

BẢN DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KIM
BÌNH BÌNH

Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019
ngày 23/4/2019

CHƯƠNG I. PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua và cổ đông của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Kim Bình theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 09 năm 2007, được sửa đổi lần 1 tại Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 08 năm 2010, lần 2 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 05 tháng 04 năm 2011; lần 3 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 21 tháng 04 năm 2015 ; và lần 4 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 21 tháng 04 năm 2016. **lần 8 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 23 tháng 04 năm 2019.**

CHƯƠNG II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. Định nghĩa.

- 1.1 Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
- a. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
 - b. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 cùng với những điều khoản sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ những quy định trong Luật này bằng những Luật về doanh nghiệp khác do Quốc hội thông qua sau đó trong thời gian Bản Điều lệ đang có hiệu lực nhưng chưa cập nhật kịp thời. "**Pháp luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp nói trên và những văn bản dưới luật khác hướng dẫn, quy định việc áp dụng Luật Doanh nghiệp.
 - c. "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Công Nghiệp Kim Bình. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên.
 - d. "**Vốn điều lệ**" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại ĐIỀU 5 của Điều lệ này.
 - e. "**Đại hội đồng cổ đông**" là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoạt động trên nguyên tắc biểu quyết tập thể theo trình tự và thủ tục do Pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định.
 - f. "**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**" là hình thức lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng việc bỏ phiếu trong một cuộc họp được triệu tập hợp lệ theo trình tự và thủ tục do Pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định.
 - g. "**Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản**" là hình thức lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông không tổ chức cuộc họp. Việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản

được các cổ đông tự chính mình thực hiện theo trình tự và thủ tục do Pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định.

- h. **“Quy chế nội bộ về quản trị công ty”** là bộ tập hợp các quy tắc, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục để thực hiện quyền và nghĩa vụ của toàn bộ các chủ thể trong Công ty bao gồm: Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc, Người Quản lý Công ty, Người Điều hành Công ty và các chủ thể khác liên quan. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sử dụng để tham khảo, vận dụng, đánh giá, điều chỉnh toàn bộ hoạt động quản trị trong Công ty.
- i. **“Người Quản lý Công ty”** bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ này (**không phải là người đại diện theo ủy quyền**). Người Quản lý Công ty phải do Đại hội đồng Cổ đông bầu cử, phê chuẩn hoặc do Hội đồng Quản trị tuyển dụng bổ nhiệm. Người Quản lý Công ty phải thực hiện Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty quy định tại ĐIỀU 36 Điều lệ này.
- j. **“Người điều hành Công ty”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và những người thực hiện một hoặc một số chức năng quản lý về mặt chuyên môn nghiệp vụ tại Công ty bao gồm các chức danh Giám đốc (Trưởng) các phòng ban chức năng trong Công ty (Giám đốc bộ phận); Giám Đốc các chi nhánh, Trưởng các văn phòng đại diện và các vị trí quản lý nghiệp vụ khác do Tổng Giám đốc Công ty tuyển dụng bổ nhiệm
- Người điều hành Công ty không có quyền và nghĩa vụ như Người Quản lý Công ty, vì vậy Người điều hành Công ty không bị điều chỉnh bởi những quy định về lợi ích liên quan do Pháp luật Doanh nghiệp và Điều lệ này đối với Người Quản lý Công ty, tuy nhiên họ có các nghĩa vụ báo cáo và loại trừ các xung đột về lợi ích theo quy định của Tổng Giám đốc. Người điều hành Công ty xác lập nghĩa vụ lao động với Công ty thông qua hợp đồng lao động và chịu sự điều hành, quản lý và theo sự tuyển dụng, bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc tùy theo các chức danh cụ thể do Pháp luật Doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Tổng Giám đốc ban hành Quy chế làm việc áp dụng cụ thể cho từng chức danh Người điều hành Công ty. Nhiệm vụ cụ thể của Người điều hành Công ty được quy định cụ thể đối với từng chức danh trong quyết định bổ nhiệm; hợp đồng lao động hoặc Bản mô tả công việc.
- k. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

- l. “Người thân thích” của một người là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đó.
- m. “Lợi ích liên quan” là lợi ích kinh tế của Người Quản lý Công ty và Người có liên quan của họ từ việc sở hữu vốn trong các doanh nghiệp khác (sau đây gọi là “Doanh nghiệp Liên quan”) theo quy định tại Điều 159.2 Luật Doanh nghiệp. Theo đó Doanh nghiệp Liên quan có những lợi ích gắn kết hoặc xung đột với lợi ích của Công ty.
- n. Ngày phát sinh lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 159.3 Luật Doanh nghiệp là ngày phát sinh một trong các sự kiện sau đây:
- Ngày mà Người Quản lý Công ty và Người có liên quan của họ bắt đầu sở hữu vốn với một doanh nghiệp đã có sự gắn kết hoặc xung đột với lợi ích của Công ty sẵn từ trước;
 - Công ty có dự định giao kết bất kỳ loại hợp đồng nào với Doanh nghiệp Liên quan; hoặc Doanh nghiệp Liên quan được cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ Công ty với tư cách là bên thứ ba;
 - Doanh nghiệp Liên quan sẽ có được những lợi ích từ những giao dịch của Công ty bất kể với tư cách nào; Doanh nghiệp Liên quan có sản phẩm hàng hóa cùng loại, hoặc sản phẩm thay thế cùng chia sẻ một thị trường với sản phẩm kinh doanh của Công ty;
 - Doanh nghiệp Liên quan phát sinh thay đổi những chính sách kinh doanh làm ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách phân phối, chính sách kinh doanh, đầu tư, quan hệ tiền tệ, tín dụng, tài chính của Công ty;
 - Ngày mà Người Quản lý Công ty đó biết được mình có thể thu được những lợi ích từ việc giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty hoặc vốn góp hoặc cổ phần của Doanh nghiệp Liên quan;
 - Ngày mà Người Quản lý Công ty đó biết được Doanh nghiệp Liên quan có lợi ích bất kỳ mà pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Kim Bình coi là xung đột lợi ích với quyền lợi của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Kim Bình.
- o. “**Xung đột lợi ích**” là những tình huống, dù là tiềm năng hoặc đã hiện hữu, làm phát sinh cho Người Quản lý Công ty hoặc Người Thân thích của họ những lợi ích mà động cơ để đạt được những lợi ích này sẽ làm cho những quyết định của những Người Quản lý Công ty đó sẽ không còn khách quan vô tư trong khi thực thi công việc của Công ty; hoặc những lợi ích đó sẽ mâu thuẫn với lợi ích Công ty như làm suy giảm lợi ích của Công ty hoặc tạo ra bất kỳ sự bất lợi trong kinh doanh hoặc các quan hệ xã hội khác đối với Công ty.

[Người điều hành Công ty](#) tuân thủ những quy định về Xung đột lợi ích do Tổng Giám đốc ban hành.

p. **“Nghĩa vụ Trung thành”** với lợi ích Công ty là nghĩa vụ cơ bản nhất của tất cả Người Quản lý Công ty; Thành viên Ban kiểm soát; Người điều hành Công ty theo đó họ phải luôn chọn lựa hành động vì lợi ích Công ty và không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Vi phạm nghĩa vụ này có thể bị xem xét bãi nhiệm; kiến nghị bãi nhiệm hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động.

q. **“Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty”** là nghĩa vụ mà Thành viên Ban kiểm soát; Người Quản lý Công ty buộc phải thực hiện hoặc không được thực hiện một số hành vi nhất định như: công bố thông tin; không được tham gia biểu quyết; từ bỏ quyền lợi; không được thực hiện các giao dịch hoặc đề xuất mà chính họ hoặc người liên quan của họ thuộc về các trường hợp lợi ích liên quan; xung đột lợi ích mà Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định; hoặc trong các trường hợp khác phát sinh lợi ích mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

Điều lệ này quy định hình thức thực hiện Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty thích hợp cho từng trường hợp như: thực hiện công bố thông tin; không được tham gia biểu quyết; từ bỏ quyền lợi; hoặc không được thực hiện các hợp đồng giao dịch.

r. **“Túc số”** là số người tham dự tối thiểu cần thiết tham dự để một sự kiện là hợp lệ. Túc số chỉ được áp dụng cho các sự kiện có tính chất “đối nhân” như cuộc họp Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, không áp dụng cho các sự kiện có tính chất “đối vốn” như Đại hội đồng Cổ đông.

s. **“Thời hạn hoạt động”** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2.6 của Điều lệ này.

1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) chỉ được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc cơ cấu Điều lệ và không được dùng để giải thích hoặc diễn giải thay cho phần nội dung của các Chương, Điều đó trong Điều lệ

1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này. Những thuật ngữ do Điều lệ này định nghĩa đã: i) không được Luật Doanh nghiệp và các văn bản dưới Luật liên quan định nghĩa; hoặc ii) cho phép Doanh nghiệp được định nghĩa; hoặc iii) không mâu thuẫn với định nghĩa của Luật Doanh nghiệp và các văn bản dưới luật liên quan thì sẽ có nghĩa như đã định nghĩa tại Điều lệ này.

- 1.5 Đối với những thuật ngữ trong Điều lệ này không được xác định rõ ràng bằng các định nghĩa từ Luật Doanh nghiệp và các văn bản dưới luật liên quan và chính Điều lệ này thì Hội đồng Quản trị Công ty có thẩm quyền giải thích.
- 1.6 Để thuận tiện cho việc tham chiếu khi Bản Điều lệ này được dịch ra tiếng Anh hoặc các tiếng nước ngoài khác; đồng thời thuận tiện cho việc đánh số chỉ mục tự động của các phần mềm biên soạn tài liệu, chỉ số thứ tự các Điều, Khoản, Mục của Điều lệ này có chứa chữ cái sẽ được áp dụng theo hệ thống mẫu tự la tinh không Việt hoá.

CHƯƠNG III. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- 2.1 Tên Công ty
 - a. Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KIM BÌNH**
 - b. Tên tiếng Anh : **KIM BINH CORPORATION**
 - c. Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KIM BÌNH**
 - d. Tên viết tắt : **KBI**
- 2.2 **Hình thức doanh nghiệp** là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 2.3 Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ : Lô 16 Đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP. HCM.
 - b. Điện thoại : (08) 3754.7005
 - c. Fax : (08) 5425. 8954
 - d. Email : info@kbi.com.vn
 - e. Website: www.kbi.com.vn
- 2.4 Công ty áp dụng Người Đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký kết những giao dịch văn bản thuộc quyền hạn của Hội đồng Quản trị, và Tổng Giám đốc ký kết các hợp đồng và giấy tờ giao dịch hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

- 2.5 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.6 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51.2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty là năm mươi năm (50) năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 3.1 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Mã Ngành	Mô tả
1	4659	Sản xuất, mua bán các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng các loại
2	3312	Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị công nghiệp hoặc thương mại máy móc thiết bị nông nghiệp bao gồm cả các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ và các máy móc công nghiệp nặng khác.
3	2811	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, và xe máy) chi tiết: sản xuất lắp ráp các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng máy các loại.
4	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị không kèm người điều khiển và đồ dùng hữu hình khác bao gồm (i) Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp; (ii) Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng; (iii) Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; (iv) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.
5	46101	Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý

		về các loại hàng hóa máy móc thiết bị công nghiệp, nông lâm nghiệp, xây dựng.
6	473 - 4730 - 47300	Bán lẻ nhiên liệu động cơ gồm: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ máy nổ, máy phát điện và các loại máy móc thiết bị công nghiệp, nông lâm nghiệp, xây dựng.
7	4799 - 47990	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu gồm: Bán trực tiếp nhiên liệu, dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ máy nổ, máy phát điện và các loại máy móc thiết bị công nghiệp, nông lâm nghiệp, xây dựng giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng (khi thực hiện công việc sửa chữa, bảo hành);
8	522	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải gồm: Hoạt động hỗ trợ vận tải hàng hoá gắn liền với dịch vụ kho bãi như các hoạt động bốc hàng hoá lên phương tiện, dỡ hàng từ phương tiện hoặc bốc từ phương tiện vận tải này để xếp lên phương tiện vận tải khác. Hoặc các hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị tại các công trình giao thông hoặc các thiết bị phục vụ hệ thống giao thông.
9	52109	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác gồm: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa thuộc giao dịch bình thường như nguyên liệu sản xuất, hàng hoá tiêu dùng, máy móc thiết bị...
10	6491 - 64910	Hoạt động cho thuê tài chính gồm: Hoạt động tín dụng trung và dài hạn thông qua cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác trên cơ sở hợp đồng cho thuê giữa bên cho thuê với bên thuê. Bên cho thuê cam kết mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê đã được hai bên thỏa thuận.
11	681 - 6810 - 68100	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê gồm: Mua, bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê:

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; - Nhà không phải để ở gồm: khu triển lãm, nhà kho, nơi dạo mát và trung tâm thương mại; - Đất; <p>Nhóm này cũng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua, bán, cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; - Hoạt động mua, bán, cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động.
--	--	--

3.2 Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để thực hiện các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm tạo ra lợi nhuận hợp pháp, mang lại lợi ích chính đáng cho cổ đông, thu nhập cho người lao động của Công ty, nộp thuế cho Nhà nước, đồng thời tạo tích lũy để tiếp tục phát triển Công ty phù hợp chính sách kinh tế của Nhà nước.

ĐIỀU 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

- 4.1 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 4.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

CHƯƠNG V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

- 5.1 Vốn điều lệ của Công ty là **92.400.000.000 VNĐ**
(Bằng chữ: Chín mươi hai tỷ bốn trăm triệu đồng Việt Nam).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.240.000 CP (*Chín triệu, hai trăm bốn mươi ngàn cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/ Cổ phần (*Mười ngàn đồng một cổ phần*)
- 5.2 Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- 5.3 Các loại cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ đối với cổ đông sở hữu cổ phần được quy định tại ĐIỀU 11 và ĐIỀU 12 Điều lệ này.
- 5.4 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5 Cổ phần phổ thông phát hành thêm được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- 5.6 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành hoặc theo những điều kiện do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán, Hội đồng quản trị được quyền bán số cổ phần được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 5.7 Trừ trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phải thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định phát hành trái phiếu. Nghị quyết Hội đồng Quản trị phát hành trái phiếu phải ghi rõ loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành. Sau khi phát hành, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất về kết quả phát hành trái phiếu đã thực hiện. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

ĐIỀU 6. Chứng chỉ cổ phiếu

- 6.1 Theo yêu cầu của Cổ đông sở hữu số cổ phần đã thanh toán, Công ty sẽ cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ đã thanh toán đủ. Trong trường hợp Công ty có ký hợp đồng quản lý cổ đông hoặc lưu ký chứng khoán tại các Công ty chứng khoán hoặc tại Trung tâm lưu ký chứng khoán thì chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu của Công ty sẽ do Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán này phát hành cho cổ đông khi có yêu cầu
- 6.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Nếu Chứng chỉ cổ phiếu do Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán phát hành trong trường hợp quy định tại Điều 6.1 Điều lệ này thì Chứng chỉ cổ phiếu sẽ có dấu của những đơn vị đó. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

- 6.3 Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu khi có yêu cầu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
- 6.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. Cổ đông đánh mất chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, hoặc chứng chỉ cổ phiếu ghi danh của họ bị huỷ hoại sẽ không được thực hiện chuyển nhượng một phần số cổ phần ghi danh trên chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị mất hoặc bị huỷ hoại đó cho đến khi cổ đông này được cấp lại chứng chỉ ghi danh mới.
- 6.5 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc còn sở hữu số cổ phần đó hợp pháp, phải làm bản cam kết rằng đã chưa chuyển nhượng hoặc cầm cố số cổ phần ghi trên cổ phiếu ghi danh đó; cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu ghi danh được cấp mới sẽ có ký hiệu thể hiện lần cấp mới đó, những chứng chỉ cổ phiếu nếu đã cấp trước đó sẽ không còn hiệu lực.
- 6.6 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

ĐIỀU 7. Cổ đông và đại diện Cổ đông là Tổ chức

- 7.1 Cổ đông là người chủ sở hữu một phần Công ty tương ứng với tỷ lệ số cổ phần cổ đông đó sở hữu trong tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ nêu tại Luật Doanh nghiệp và ĐIỀU 11 và ĐIỀU 12 Điều lệ này tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ đã góp vào Công ty thông qua số cổ phần mà họ đang sở hữu.
- 7.2 Cổ đông là tổ chức thực thi quyền và nghĩa vụ cổ đông của mình tại Công ty thông qua Người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ cổ đông tại Công ty. Khi thay đổi, hủy bỏ việc đại diện theo ủy quyền, cổ đông là tổ chức phải có văn

bản hợp lệ về việc thay đổi, hủy bỏ đó gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không cử Người đại diện theo ủy quyền, thì Người đại diện theo pháp luật (nếu tổ chức có tư cách pháp nhân) hoặc Người đứng đầu (nếu tổ chức không có tư cách pháp nhân) của Cổ đông là tổ chức đó là có nghĩa vụ thực thi các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại Công ty.

- 7.3 Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) Người đại diện theo ủy quyền. Nếu sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 (một) Người đại diện theo ủy quyền.
- 7.4 Đại diện Cổ đông là cá nhân, tổ chức được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức đó thực thi công việc theo chế độ được quy định tại Điều 25.2 Điều lệ này. Trong mọi trường hợp, Cá nhân, tổ chức không được cử quá một (01) Người đại diện theo ủy quyền của mình vào Hội đồng Quản trị và nếu Người đại diện theo ủy quyền đã được bầu làm Thành viên Dự khuyết thì Cá nhân, tổ chức đó không được cử bất kỳ Người đại diện theo ủy quyền nào khác thực hiện quyền và nghĩa vụ Cổ đông tại Công ty.
- 7.5 Trường hợp Cổ đông là tổ chức cử nhiều Người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần được mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho từng Người đại diện theo ủy quyền thì được coi là mỗi Người đại diện theo ủy quyền sẽ đại diện số cổ phần đều nhau trong tổng số cổ phần mà Cổ đông là tổ chức đó sở hữu.
- 7.6 Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải được lập bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được Văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên doanh nghiệp tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần đại diện tương ứng mỗi Người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng Người đại diện theo ủy quyền (kèm theo văn bản ủy quyền là các bản sao có chứng thực hoặc công chứng của những giấy tờ nói trên). Đối với Đại diện theo ủy quyền là người cư trú ở nước ngoài phải cung cấp cho Công ty địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email để Công ty có thể liên lạc được trong mọi trường hợp cần thiết.
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

- e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu tổ chức là cổ đông đó và của từng Người đại diện theo ủy quyền.
- f. Đối với văn bản ủy quyền của tổ chức nước ngoài phải được công chứng và hợp pháp hoá lãnh sự hợp lệ

7.7 Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c. Thành viên, Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;
- d. Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức nước ngoài, cư trú tại nước ngoài phải thanh toán lại các chi phí về thư tín và thông tin khác cho Công ty trong việc liên lạc để thực hiện quyền và nghĩa vụ Cổ đông tại Công ty. Công ty giữ quyền khấu trừ các khoản chi phí trên từ các khoản phải trả cho Cổ đông như cổ tức.

7.8 Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông là tổ chức thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông đó tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền và chịu trách nhiệm về những phát biểu, biểu quyết do Người đại diện theo ủy quyền của mình tại Công ty. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với Người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông đó, nếu không được nêu ra trong văn bản ủy quyền, sẽ không có hiệu lực đối với Công ty. Cổ đông là tổ chức không được hạn chế nghĩa vụ của Người đại diện theo ủy quyền của mình so với các nghĩa vụ của các Cổ đông khác là cá nhân sở hữu cùng loại cổ phần tại Công ty.

7.9 Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông ủy quyền cho mình và phải chịu trách nhiệm trước Cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8. Chuyển nhượng cổ phần.

8.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Thủ tục chuyển nhượng được thực hiện bằng cách ký hợp đồng chuyển nhượng

hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- 8.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
- 8.3 Trong một số trường hợp phát hành cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư không phải là Cổ đông hiện hữu, Công ty có thể quy định hạn chế về chuyển nhượng số cổ phần đó trong một khoảng thời gian nhất định, thì các quy định về hạn chế về chuyển nhượng này phải được nêu rõ trong điều kiện phát hành đợt cổ phần đó và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- 8.4 Cổ đông Công ty sử dụng cổ phần của mình làm tài sản đảm bảo trong các giao dịch dân sự, thì bên nhận tài sản đảm bảo phải có thông báo về giao dịch đảm bảo đó bằng văn bản gửi cho Hội đồng Quản trị Công ty nêu rõ họ và tên Cổ đông sở hữu cổ phần, số lượng cổ phần và giá trị đảm bảo của số cổ phần đó và phải có bản sao có chứng thực hợp đồng đảm bảo tài sản. Những cổ phần được sử dụng làm tài sản đảm bảo đáp ứng được các điều kiện nêu trên, sẽ được liệt vào loại cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo các điều kiện nêu ra trong hợp đồng đảm bảo tài sản. Trong trường hợp Công ty có ký hợp đồng quản lý cổ đông hoặc lưu ký chứng khoán tại các Công ty chứng khoán hoặc tại Trung tâm lưu ký chứng khoán thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ có văn bản yêu cầu các Công ty chứng khoán hoặc tại Trung tâm lưu ký chứng khoán đó phong tỏa việc chuyển nhượng số cổ phần được sử dụng làm tài sản đảm bảo theo các điều kiện nêu ra trong hợp đồng đảm bảo tài sản. Công ty không chịu trách nhiệm đối với các yêu cầu phong tỏa chuyển nhượng trái với quy định trên.

ĐIỀU 9. Thu hồi cổ phần.

- 9.1 Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn được nêu trong thông báo phát hành đợt cổ phần đó, trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 9.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 9.3 Trường hợp Cổ đông không thực hiện thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua theo Thông báo thanh toán của Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên không thể sở hữu số cổ phần đã đăng ký mua và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

- 9.4 Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;
- 9.5 Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị được quyền bán theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp;

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;
- b. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ;
- c. BAN KIỂM SOÁT.
- d. TỔNG GIÁM ĐỐC;

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 11. Quyền của cổ đông.

11.1 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp; thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ này quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết (là giá trị một đơn vị biểu quyết trên tổng số giá trị biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành của Công ty).
- b. Được nhận cổ tức dưới hình thức bằng tiền hoặc cổ phần phát hành mới theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Cổ đông có nghĩa vụ trả thuế thu nhập đối với cổ tức nhận được theo quy định của Pháp luật;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về mình trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này (với điều kiện những thay đổi đó không phải xuất phát từ việc cập nhật Pháp luật) có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong trường hợp này với giá thỏa thuận bằng với giá thị trường hoặc giá được tính theo **nguyên tắc bình quân gia quyền của tất cả giao dịch cổ phần của Công ty trong thời hạn 90 ngày trước ngày Công ty ra nghị quyết mà Cổ đông đó phản đối**. Sau khi thỏa thuận được giá mua lại cổ phần trong trường hợp này, Công ty sẽ tiến hành thanh toán cho Cổ đông đó trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hai bên đạt được thỏa thuận về giá mua lại cổ phần. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì có thể yêu cầu công ty chứng khoán đang thực hiện dịch vụ lưu ký chứng khoán cho Công ty vào thời điểm đó xác định giá giao dịch;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 11.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.5 và Điều 39.6 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Văn bản yêu cầu phải bao gồm họ tên và chữ ký của từng cổ đông trong nhóm cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục

đích kiểm tra. Tuy nhiên không được yêu cầu Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra cùng một nội dung mà Ban kiểm soát đã thực hiện và đã có văn bản báo cáo trong vòng ba tháng;

e. Các quyền khác được quy định theo Pháp luật và Điều lệ này.

11.3 Cổ phần ưu đãi hoàn lại - quyền và nghĩa vụ của cổ đông ưu đãi hoàn lại

a. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là loại mà sẽ cho cổ đông quyền yêu cầu Công ty hoàn lại bất cứ lúc nào khi hội đủ những điều kiện sau:

- Một năm sau ngày phát hành ghi trên cổ phiếu;
- Cổ đông đã báo trước ba tháng và được Công ty xác nhận bằng văn bản.

b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại được hưởng các quyền và nghĩa vụ sau:

- Có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo Điều 11.1.h Điều lệ này;
- Không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền khác như cổ đông phổ thông;
- Cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ được chuyển thành cổ phần phổ thông theo kiến nghị của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11.4 Cổ phần ưu đãi cổ tức - quyền và nghĩa vụ của cổ đông ưu đãi cổ tức

a. Cổ phần ưu đãi cổ tức là loại cổ phần mà Công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông theo một mức cố định hàng năm và mức thưởng trong trường hợp mức cổ tức cố định hằng năm thấp hơn mức cổ tức của cổ phần phổ thông.

- Mức cố định hàng năm được xác định theo tỷ lệ được cam kết khi phát hành loại cổ phần ưu đãi này. Mức cố định hàng năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty hay việc Công ty có chia cổ tức cho cổ phần phổ thông hay không.
- Mức thưởng chỉ được xác định khi mức cổ tức cố định thấp hơn mức cổ tức của cổ phần phổ thông được hưởng. Trong trường hợp này, mức thưởng sẽ được xác định bằng số chênh lệch giữa mức cổ tức phổ thông và mức cổ tức cố định.
- Tỷ lệ cổ tức cố định, cách thức xác định cổ tức thưởng sẽ được ghi trên cổ phiếu ưu đãi cổ tức.

b. Cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ sau :

- Nhận cổ tức theo Điều 11.4.a

- Không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- Các quyền khác như cổ đông phổ thông.
- Cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ được chuyển thành cổ phần phổ thông theo kiến nghị của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 12.1 Tuân thủ thực hiện những quy định của Pháp luật đối với việc góp vốn, chuyển nhượng vốn, các loại thuế, phí, lệ phí của nhà nước liên quan đến việc sở hữu, chuyển nhượng, thu nhập từ chứng khoán kể cả các quy định về hạn chế hoặc giới hạn chuyển nhượng cổ phần (nếu có);
- 12.2 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
- 12.3 Tuân thủ Điều lệ Công ty; **Quy chế nội bộ về quản trị công ty** và các quy chế khác của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;
- 12.4 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 12.5 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 12.6 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 12.7 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 13. Đại hội đồng cổ đông.

- 13.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thực hiện quyền quyết định trên nguyên tắc biểu quyết tập thể (dưới hình thức Nghị Quyết) của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết được triệu tập họp lệ theo trình tự và thủ tục do Pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải phù hợp

với quy định của Pháp luật và Điều lệ này, mọi nghị quyết trái Pháp luật và Điều lệ này đều đương nhiên không có hiệu lực thi hành. Các cổ đông riêng lẻ hoặc nhóm cổ đông tập hợp trái với trình tự thủ tục quy định tại Điều lệ này đều không có thẩm quyền và tư cách của Đại hội cổ đông quy định trong Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại Điều 17.9 Điều lệ này.

- 13.2 Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc biểu quyết tập thể dưới hai hình thức: (i) **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**; và (ii) **Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản** theo trình tự và thủ tục do Pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định.
- 13.3 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhóm họp bắt buộc theo luật định mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong những trường hợp vì điều kiện khách quan mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không thể nhóm họp vào đúng thời hạn trên, Hội đồng Quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn việc tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - b. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không bắt buộc phải được triệu tập hàng năm và được triệu tập trên cơ sở những quy định tại Điều 14.5 Điều lệ này.
- 13.4 Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường có hiệu lực là ngang nhau, tuy nhiên nếu có mâu thuẫn trong nội dung giữa các Nghị quyết, thì phần nội dung Nghị quyết nào được biểu quyết gần nhất về mặt thời gian sẽ có giá trị điều chỉnh phần nội dung mâu thuẫn với nó ở Nghị quyết trước.
- 13.5 Những vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Những biểu quyết không thuộc các vấn đề nêu đây có thể thực hiện bằng cả hai hình thức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; và Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

13.6 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong cả hai hình thức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; và Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản có giá trị hiệu lực ngang nhau. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phải tổ chức dưới hình thức cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể tổ chức dưới hình thức cuộc họp hoặc hình thức Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tùy theo tình hình thực tế tại mỗi thời điểm do Hội đồng Quản trị quyết định.

13.7 Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Công ty sẽ triển khai các hình thức Đại hội Cổ đông điện tử khi các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật đạt đủ tiêu chuẩn cần thiết.
- d. Bằng việc đăng ký hình thức biểu quyết từ xa cùng với đăng ký địa chỉ email và số fax của Cổ đông vào biểu mẫu do Công ty ấn hành, Cổ đông có thể biểu quyết từ xa bằng cách gửi phiếu biểu quyết bằng một trong ba hình thức thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Khi nhận được thông tin đăng ký hình thức biểu quyết, Thư ký Công ty sẽ gửi mẫu Phiếu biểu quyết bằng đường bưu điện, fax, hoặc email (tùy theo hình thức Cổ đông đăng ký hình thức biểu quyết) đến cho Cổ đông đó.

Phiếu biểu quyết gửi bằng thư về địa chỉ Công ty phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu tại Đại hội Cổ đông.

Phiếu biểu quyết gửi về công ty bằng fax hoặc thư điện tử phải được điền đúng vào mẫu Phiếu biểu quyết có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Nếu gửi dưới hình thức bản fax hoặc thư điện tử, Phiếu ý kiến phải được gửi đi từ đúng địa chỉ thư điện tử của Cổ đông đã đăng ký trước với Công ty. Biểu quyết phải được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử hoặc số fax đã được cung cấp trong mẫu Phiếu biểu quyết để được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu tại Đại hội Cổ đông.

Đối với các hình thức biểu quyết từ xa này, Các phiếu biểu quyết của cổ đông gửi đến sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chuyển cho ban kiểm phiếu của Đại hội mở khi kiểm phiếu từng vấn đề biểu quyết và phải được lập thành biên bản. Kết quả biểu quyết này sẽ được gộp chung vào kết quả kiểm phiếu chung của Đại hội đồng cổ đông. Nếu sau khi đã tiến hành biểu quyết dưới các hình thức này, nhưng sau đó Cổ đông lại tự mình dự họp hoặc uỷ quyền cho người khác dự họp thì phiếu biểu quyết đã thực hiện đương nhiên bị huỷ bỏ. Việc biểu quyết từ xa không được áp dụng trong việc đề cử và bỏ phiếu bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

13.8 Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông (“**Đại biểu**”) là cá nhân trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- a. Người tự mình tham dự với tư cách cổ đông (kể cả đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức);
- b. Người vừa tự mình tham dự với tư cách cổ đông đồng thời đại diện theo uỷ quyền cho một hoặc một số Cổ đông khác;
- c. Người tham dự với tư cách đại diện theo uỷ quyền nhưng không phải là Cổ đông Công ty.

Tất cả các Đại biểu bình đẳng về quyền phát biểu và biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Biểu quyết của từng Đại biểu có giá trị bằng tỷ lệ tổng số cổ phần mà họ sở hữu hoặc/và đại diện trên tổng số cổ phần **tham dự Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đó**.

13.9 Quyền biểu quyết (hoặc Quyền bầu cử) của một Đại biểu tại một Đại hội đồng cổ đông được tính trên cơ sở tổng số cổ phần sở hữu và đại diện của Đại biểu đó và được ghi nhận trên một Phiếu Thông tin Đại biểu. Đại biểu phải thực hiện biểu quyết thống nhất trên quyền biểu quyết được ghi nhận, không được chia tách quyền biểu quyết của mình để biểu quyết theo nhiều hướng trái ngược hoặc mâu thuẫn nhau.

13.10 Đại hội đồng cổ đông thường niên không nhất thiết phải được tổ chức tại trụ sở Công ty và do Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau, trong trường hợp này thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

13.11 Theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trong từng trường hợp, có thể mời các kiểm toán viên độc lập, giám định viên, Người Quản lý Công ty, Người điều hành Công ty, Các Luật sư, luật gia và các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn khác tham dự Cuộc họp Đại hội Cổ đông để tư vấn các vấn đề thuộc chuyên môn của họ được thảo luận tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- 13.12 Trong một số trường hợp cần thiết phải tăng cường tính xác thực của các sự kiện, nội dung Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ví dụ: nội dung Điều lệ sửa đổi; biểu quyết phê chuẩn Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức...), Hội đồng Quản trị có thể quyết định tổ chức Thừa Phát lại thực hiện việc lập vi bằng sự kiện, lưu chiểu các văn bản được thông qua tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 14. Thẩm quyền triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

- 14.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Để giải quyết những công việc thuộc thẩm quyền biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thể chờ đợi đến Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - c. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - d. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; hoặc trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông cần thiết xem xét việc bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát để bầu thành viên mới;
- 14.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp này phải gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nêu rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- 14.3 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người Quản lý Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- 14.4 Các trường hợp khác phải triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 14.5 Triệu tập họp Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điều 14.1 d Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều **Error! Reference source not found.** hoặc Điều 14.3 Điều lệ này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14.1 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 14.2 có quyền thay quyền Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp trên đây sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- 15.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết thông qua những vấn đề sau đây:
- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Thông qua kế hoạch kinh doanh của bất kỳ năm tài chính có tổng doanh thu kế hoạch riêng của Công ty CP Kim Bình là **1.500.000.000.000 Đồng** (một ngàn tỷ đồng) trở lên.
 - c. Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty (nếu có).
 - d. Các vấn đề liên quan đến cổ tức (chia hoặc không chia cổ tức; mức chia v.v);

- e. Các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ phiếu (nếu có);
 - f. Các vấn đề liên quan đến thù lao hoặc tiền thưởng cho các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát. (nếu có);
 - g. Các vấn đề liên quan đến cách thức lựa chọn công ty kiểm toán;
 - h. Biểu quyết việc kiêm nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc (trong phạm vi pháp luật cho phép).
 - i. Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 15.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên nghe và thảo luận (không bỏ phiếu thông qua) những báo cáo sau đây:
- a. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động hàng năm trong nhiệm kỳ;
 - b. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động hàng năm trong nhiệm kỳ;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính kết thúc và trình bày kế hoạch kinh doanh năm tài chính hiện hành.
 - d. Một số báo cáo hoặc trình bày khác được đưa vào nội dung Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quyết định của Hội đồng Quản trị
- 15.3 Những vấn đề sau đây được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp quyết định tại Đại hội đồng cổ đông bất thường, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.
- a. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị; Hội đồng Quản trị phải căn cứ vào các quy định của Pháp luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty để đề nghị mức thanh toán cổ tức phù hợp. Hình thức thanh toán cổ tức bằng tiền, cổ phiếu hoặc chứng từ có giá khác do Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị tối đa từng thời kỳ;
 - c. Cách thức lựa chọn công ty kiểm toán;
 - d. Bầu; bãi nhiệm; miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát; phê chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị bổ khuyết;

- e. Quyết định tổng số tiền thù lao và ngân sách hoạt động trong một năm tài chính của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Xem xét báo cáo tổng kết số tiền thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm trước. Tuy nhiên trong trường hợp tổng số tiền thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là không đổi hoặc chỉ phát sinh chênh lệch trong phạm vi 10% so với hạn mức ngân sách đã được Đại hội Cổ đông đã thông qua trước đó thì Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không phải xin phê chuẩn và/hoặc báo cáo tổng kết từng năm tại Đại hội Cổ đông. Đại hội Cổ đông căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty hàng năm để xem xét phê chuẩn mức thưởng (ngoài tiền thù lao) tính trên phần trăm lợi nhuận trước thuế Hợp nhất cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát ;
 - f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty
 - g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - l. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
 - m. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc (trong phạm vi pháp luật cho phép);
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.2 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- 15.4 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 15.3.n Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

15.5 Về nguyên tắc tất cả những vấn đề đã được đưa vào chương trình một Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết hết tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó, tuy nhiên nếu vì một lý do khách quan mà một hoặc một số nội dung không thể biểu quyết ngay trong kỳ Đại hội đồng cổ đông đó, thì có thể được dời sang một kỳ Đại hội đồng cổ đông khác bằng một biểu quyết có tỷ lệ quá bán của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông đó.

ĐIỀU 16. Người dự họp theo ủy quyền (Đại biểu).

16.1 Cổ đông là cá nhân có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc có thể ủy quyền cho người khác tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc một Người đại diện theo ủy quyền được ủy quyền tham dự cho một cá nhân khác; trường hợp có hai người dự họp theo ủy quyền tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người dự họp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức phải được thực hiện bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn ba ngày trước ngày khai mạc Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Các Cổ đông chịu trách nhiệm về những phát biểu, biểu quyết, phiếu bầu do người đại diện theo ủy quyền của mình thực hiện tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như chính mình tự thực hiện những phát biểu, biểu quyết đó. Công ty sẽ không giải quyết các khiếu nại của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền của họ về những quyết định, cho dù có sai sót đã thực hiện tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, nếu thủ tục ủy quyền là hợp lệ.

16.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là Tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền và/hoặc Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- d. Người được ủy quyền dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- e. Văn bản Ủy quyền là điều kiện tiên quyết để Người được ủy quyền dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hợp lệ. Những trường hợp thiếu sót, hoặc quên văn bản ủy quyền phải được Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chấp nhận bằng văn bản, với điều kiện Người được ủy quyền phải bổ sung văn bản ủy quyền ngay sau Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

16.3 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày công bố danh sách cổ đông tham dự Đại hội Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc ngày bắt đầu gửi văn bản lấy ý kiến cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biểu quyết bằng văn bản thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng theo hai cách sau đây:

- Người nhận chuyển nhượng tham dự với tư cách cổ đông mới bằng cách thông báo bằng văn bản kèm các chứng cứ về việc chuyển nhượng cổ phần nói trên đến công ty không chậm hơn 48 giờ đồng hồ trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc ngày bắt đầu gửi văn bản lấy ý kiến cổ đông.
- Người nhận chuyển nhượng có thể tham dự với tư cách là đại diện theo ủy quyền của số cổ phần đã chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông bằng cách xuất trình Giấy ủy quyền tham dự do cổ đông cũ ký phát trước thời điểm chuyển nhượng.

16.4 Trường hợp đại biểu tham dự theo ủy quyền, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền là cá nhân đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền là tổ chức đã giải thể, phá sản;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền nhưng đã không thông báo bằng văn bản kịp thời như quy định tại Điều này.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

17.1 Hội đồng Quản trị quyết định ngày tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại ĐIỀU 14 Điều lệ này.

- 17.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a. Xác định và công bố danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày dự định gửi Thông báo mời họp**;
 - b. Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Chương trình họp bao gồm tất cả những vấn đề cần thảo luận, biểu quyết, đề cử, bầu cử và những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được sắp xếp theo thứ tự nhất định mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho là phù hợp và thuận tiện với diễn tiến buổi họp.
 - c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - d. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là **20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc**.
- 17.3 Thông báo phải được gửi cùng với mẫu Văn bản Ủy quyền Người được ủy quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử www.kbi.com.vn của công ty (mục Cổ đông). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
- 17.4 Thông báo mời họp phải có nội dung chương trình nghị sự của Đại hội bao gồm các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Nội dung các tờ trình từng vấn đề; **các báo cáo tài chính đã kiểm toán**; các báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát cùng với chương trình họp và các tài liệu khác sử dụng trong cuộc họp sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử www.kbi.com.vn của công ty (mục Cổ đông). Thông báo mời họp sẽ ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu về. Tuy nhiên nếu Cổ đông có yêu cầu bằng văn bản, Công ty sẽ gửi các tài liệu họp cho Cổ đông đó bằng đường bưu điện hoặc bằng email theo nội dung đề nghị. Phiếu biểu quyết không gửi kèm theo Thông báo họp mà được phát cho Đại biểu dự họp khi đăng ký đại biểu.
- 17.5 Trong những Cuộc họp Đại hội Cổ đông có thực hiện việc bầu cử Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát đầu nhiệm kỳ, Thông báo mời họp phải nêu rõ về nội dung bầu cử Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới và kèm theo thẻ lệ đề cử và bầu cử Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát cùng với các biểu mẫu lập nhóm đề cử cần thiết cho các Cổ đông đủ điều kiện quy định tại Điều 11.2 của Điều lệ này tiến hành lập nhóm đề cử người vào Hội đồng quản

trị và Ban kiểm soát. **Việc đề cử phải đúng thể lệ bầu cử của Công ty và gửi về địa chỉ Công ty không chậm hơn mười hai (12) ngày trước ngày khai mạc Đại hội Cổ đông (trong thể lệ bầu cử phải ghi rõ ngày cuối cùng Công ty nhận phiếu đề cử).** Ban Kiểm soát đương nhiệm tại Đại hội phải giám sát tính hợp lệ, hợp pháp của quá trình đề cử để công bố danh sách những người được đề cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát cho các cổ đông dự họp biết trên trang điện tử của Công ty www.kbi.com.vn (mục Cổ đông) trước ngày khai mạc Đại hội. Căn cứ vào danh sách đề cử đã công bố, Cổ đông của Công ty có quyền khiếu nại việc đề cử những ứng viên không đủ điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật và/hoặc Điều lệ này. Trong trường hợp nhận được phản đối của Cổ đông như nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải họp để xem xét khiếu nại đó. Nếu xét thấy khiếu nại là có cơ sở thì ban hành Nghị quyết loại ứng viên đã được đề cử đó và thông báo cho nhóm đề cử đề cử người khác. Trong quá trình giám sát việc đề cử, nếu phát hiện có sai sót trong thủ tục đề cử, Ban Kiểm soát ngay lập tức liên lạc với người đại diện nhóm đề cử để điều chỉnh lại những thiếu sót đó, với điều kiện hồ sơ đề cử đã điều chỉnh phải gửi về đến Công ty không chậm hơn ba (03) ngày trước ngày khai mạc Đại hội.

- 17.6 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.2 của Điều lệ này có quyền đề xuất đưa các vấn đề vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất **ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông**. Văn bản đề xuất phải bao gồm họ tên và chữ ký của từng cổ đông trong nhóm cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; hoặc tên tổ chức cùng chữ ký của Người đại diện theo Pháp luật hoặc Người đại diện theo ủy quyền của tổ chức, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm bắt đầu sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 17.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị đưa các vấn đề vào chương trình họp Đại hội cổ đông của Nhóm cổ đông nêu trên trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10 % cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng; hoặc thủ tục đề xuất không đúng quy định tại Điều 17.6 Điều lệ này.
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

d. Vấn đề đề xuất thuộc thẩm quyền đề xuất của Hội đồng Quản trị theo Luật định và Điều lệ này.

- 17.8 Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 17.9 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện đủ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định của Pháp luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Tuy nhiên nội dung những quyết định này không được trái với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Đại biểu dự họp cộng với số cổ đông gửi phiếu biểu quyết trước đến cuộc họp theo quy định tại Điều 13.7.d Điều lệ này đại diện cho ít nhất **51%** (năm mươi một phần trăm) (**đạt Túc số**) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 18.2 **Thời điểm chính thức khai mạc Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông kể từ sau thời điểm đạt Túc số do Chủ tọa Cuộc họp quyết định.**
- 18.3 Trường hợp không **đạt Túc số** trong vòng một giờ đồng hồ kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, **Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ nhất phải tuyên bố hoãn cuộc họp. Cuộc họp** đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất **33%** (ba mươi ba phần trăm) (**đạt Túc số**) cổ phần có quyền biểu quyết.
- 18.4 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không **đạt Túc số** trong vòng một giờ đồng hồ kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, **Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai phải tuyên bố hoãn cuộc họp. Cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành hợp lệ không phụ thuộc vào việc **đạt Túc số** và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 18.5 Trong một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, bão, lụt hoặc các sự cố về kỹ thuật như mất điện, mất đường truyền internet, hư hỏng mạng v.v tại địa điểm tổ chức họp khiến cho một Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đang tiến hành không thể tiếp tục, hoặc việc tiếp tục cuộc họp như vậy sẽ gây ra những nguy hiểm nhất định cho Đại biểu dự họp, thì Chủ tọa buổi họp có thể tuyên bố chấm dứt Cuộc họp Đại hội Cổ đông, hoặc trong trường hợp thật khẩn cấp, toàn bộ người tham dự cần phải rời khỏi ngay địa điểm họp thì cuộc họp được coi như tự động chấm

dứt. Trường hợp này, tất cả các biểu quyết đã được Ban kiểm phiếu ký biên bản kết quả kiểm phiếu và các chứng từ còn lưu giữ được nguyên vẹn, sẽ được giữ nguyên giá trị hiệu lực, còn những vấn đề chưa thảo luận sẽ phải tạm đình chỉ và các biểu quyết đã bỏ phiếu nhưng Ban kiểm phiếu chưa ký biên bản kết quả kiểm phiếu hoặc mặc dù đã ký biên bản kết quả kiểm phiếu nhưng các chứng từ gốc có chữ ký của Đại biểu đã bị thất lạc hoặc không còn nguyên vẹn thì sẽ bị hủy bỏ. Phần nội dung thảo luận bị đình chỉ và biểu quyết bị hủy sẽ được tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục, điều kiện của lần triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần kế tiếp của cuộc họp đã bị hủy. Hội đồng Quản trị sẽ họp và thông báo cho Cổ đông biết về việc Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tổ chức lần kế tiếp.

- 18.6 Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. Tuy nhiên Chủ tọa, căn cứ vào diễn biến thực tế tại buổi họp, có thể thay đổi các trình tự thảo luận và biểu quyết của các nội dung trong chương trình họp vào ngay trước thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua Chương trình và nội dung họp trong phiên khai mạc. Việc thay đổi trình tự thảo luận và biểu quyết không được coi là thay đổi chương trình họp với điều kiện không có bất kỳ nội dung nào trong chương trình họp đã gửi đến tất cả cổ đông bị loại ra và không có bất kỳ nội dung mới nào được đưa thêm vào chương trình họp;

ĐIỀU 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1 Vào ngày tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Đại biểu dự họp và phải duy trì việc đăng ký Đại biểu dự họp cho đến thời điểm bế mạc Đại hội đồng cổ đông. Khi đăng ký dự họp, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông phải xuất trình Thông báo mời họp, Giấy uỷ quyền dự họp có chữ ký hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này (đối với đại diện cổ đông) cùng với Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác. Chủ tọa Đại hội sẽ giữ quyền quyết định chấp thuận cho Đại biểu thiếu các giấy tờ quy định trên đây được dự họp hay không, sau khi Đại biểu cam kết bằng văn bản sẽ nộp lại cho Công ty những giấy tờ bị thiếu sau ngày tổ chức cuộc họp. Đại biểu dự họp chỉ làm thủ tục đăng ký một lần cho Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó. Đại biểu nếu phải ra về vào giữa buổi họp phải thông báo cho ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông và phải hoàn trả lại những phiếu biểu quyết, phiếu bầu chưa thực hiện đến thời điểm ra về.
- 19.2 Khi tiến hành đăng ký Đại biểu dự họp, Công ty sẽ cấp cho từng Đại biểu dự họp một thẻ Thông tin Đại biểu, trên đó có ghi rõ họ tên của Đại biểu, tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện; tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện liên tục trong sáu tháng; số cổ đông mà họ đại diện và những thông số khác thể hiện năng lực biểu quyết, bầu cử của Đại biểu đó trong Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Công ty có áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào kỳ Đại hội đồng cổ đông đó, thì những thông tin về Đại biểu sẽ được mã hoá bằng mã vạch

hoặc bất kỳ phương tiện mã hoá nào khác thích hợp. Những thông tin này sẽ được phần mềm máy tính tự động tính toán trong suốt quá trình biểu quyết hoặc bầu cử trong Đại hội đồng cổ đông đó.

- 19.3 Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu là chứng từ ghi nhận việc Đại biểu thực hiện quyền biểu quyết hoặc bầu cử của mình tương ứng với tổng số cổ phần Đại biểu đó sở hữu hoặc đại diện trong Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu do Công ty phát hành thành một bộ bao gồm tất cả những biểu quyết trong Đại hội Cổ đông, được phát cho từng Đại biểu ngay khi đăng ký dự họp hoặc được gửi trước đến cho Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết từ xa như quy định tại Điều 13.7.d Điều lệ này. Phiếu biểu quyết chỉ hợp lệ khi kiểm phiếu nếu có chữ ký và họ tên của Đại biểu (hoặc Cổ đông nếu biểu quyết từ xa). Giá trị biểu quyết, bầu cử của từng Đại biểu đã được chương trình phần mềm phục vụ Đại hội Cổ đông của Công ty tính toán tích hợp theo đúng thông tin thể hiện trên Phiếu Thông tin Đại biểu.
- 19.4 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay những vấn đề đang tiếp tục được thảo luận tại đại hội hoặc đối với những vấn đề đang trong quá trình thu phiếu nhưng chưa hoàn thành theo thủ tục chung. Cổ đông dự họp muộn không được yêu cầu được biểu quyết lại những vấn đề đã hoàn thành việc thu phiếu, bất kể vào thời điểm đó đã kiểm phiếu hay chưa. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 19.5 Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì cuộc họp hoặc nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chủ trì được cuộc họp, thì Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 19.6 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- 19.7 Ban kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đề cử trong số Đại biểu và đại hội sẽ bỏ phiếu theo tỷ lệ quá bán để thông qua đề cử của Chủ tọa.
- 19.8 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi đã chọn được ban kiểm phiếu của Đại hội. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đã biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 19.9 Để được phát biểu, Đại biểu phải chuẩn bị và nêu vấn đề trong Phiếu phát biểu ý kiến và nộp cho Thư ký Đại hội. Đại biểu có thể chuẩn bị ý kiến trước và chuyển cho thư ký Đại hội trước

khi buổi họp khai mạc để được ưu tiên phát biểu. Ý kiến phát biểu phải nằm trong nội dung nghị sự của chương trình Đại hội. Chủ tọa chỉ trả lời những ý kiến của Đại biểu đã ghi phiếu phát biểu và theo thứ tự ưu tiên nộp phiếu của Đại biểu. Trong trường hợp thời lượng chương trình họp không cho phép trả lời hết tất cả các câu hỏi hoặc ý kiến của Đại biểu, thì những câu hỏi hoặc ý kiến còn lại phải được Thư ký Đại hội ghi nhận lại và Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ phải trả lời bằng văn bản những vấn đề đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội. Văn bản trả lời những vấn đề còn lại phải gửi đồng thời cho tất cả các cổ đông dự họp.

- 19.10 Tùy theo quyết định của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có thể thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc thảo luận một nhóm vấn đề rồi tiến hành biểu quyết cùng lúc cả nhóm vấn đề đã thảo luận đó hoặc thảo luận toàn bộ các vấn đề của chương trình họp sau đó biểu quyết toàn bộ các vấn đề của chương trình họp. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định, phiếu trắng là hiệu số của tổng số phiếu biểu quyết đã phát hành và tổng số phiếu tán thành và phản đối hợp lệ. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trong Đại hội trước khi bế mạc.
- 19.11 Khi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty kết thúc nhiệm kỳ vào năm nào, Đại hội Cổ đông của năm đó sẽ thực hiện việc bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ mới theo phương thức bầu dồn phiếu. Trong các trường hợp Công ty có Thành viên Hội đồng Quản trị bỏ khuyết hoặc Thành viên Ban Kiểm soát bỏ khuyết (theo quy định tại Điều 25.1 và Điều 39.3 Điều lệ này) hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức (theo quy định tại Điều 25.2 Điều lệ này), Đại hội đồng cổ đông không tiến hành bầu mà chỉ bỏ phiếu phê chuẩn các thành viên Hội đồng Quản trị bỏ khuyết trở thành thành viên chính thức theo thủ tục quy định tại Điều 20.4 Điều lệ này .
- 19.12 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng: (i) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội; (ii) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; (iii) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp; hoặc (iv) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể xem xét hoãn đại hội khi có sự biểu quyết quá bán của Đại hội đồng cổ đông sau khi đã khai mạc đại hội. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 19.13 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ

toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

- 19.14 Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 19.15 **Tại cuộc họp, Đại biểu phải phát biểu có tính chất đóng góp xây dựng, không được sử dụng Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông làm diễn đàn để công kích xúc phạm đến danh dự cá nhân và uy tín của Công ty. Chủ toạ có thể tước quyền phát biểu của Đại biểu vi phạm quy định trên.**
- 19.16 Chủ toạ có thể yêu cầu các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Đại biểu không chịu tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, Chủ toạ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối không cho tham dự phiên họp hoặc trục xuất Đại biểu đó khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 20.1 Chỉ những nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua khi có ít nhất **65% (sáu mươi lăm phần trăm) biểu quyết thuận** trong tổng số biểu quyết của các Đại biểu dự họp có mặt và biểu quyết của cổ đông gửi phiếu biểu quyết trước đến cuộc họp theo quy định tại Điều 13.2.d Điều lệ này.
- Phát hành thêm cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty;
- 20.2 Các nghị quyết về các vấn đề khác trong Đại hội cổ đông được thông qua khi có ít nhất **51% (năm mươi một phần trăm) biểu quyết thuận** trong tổng số biểu quyết của các Đại biểu dự họp có mặt và biểu quyết của cổ đông gửi phiếu biểu quyết trước đến cuộc họp theo quy định tại Điều 13.3.d Điều lệ này.
- 20.3 Kết quả bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới theo phương thức bầu dồn phiếu được xác định theo cách sau đây: **Căn cứ vào kết quả đề cử các ứng viên vào Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát đã được công bố, trong Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông mỗi**

Đại biểu tham dự được phát phiếu bầu đã được phần mềm tính toán và ghi rõ tổng số quyền bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện thể hiện trong Phiếu thông tin đại biểu nhân với số lượng thành viên được bầu của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đó. Khi tiến hành bầu, Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên nhiệm kỳ đó được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người được bầu có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát nhiệm kỳ được bầu đó. Kết quả bầu dồn phiếu không cần đạt tỷ lệ 51% như trường hợp biểu quyết khác. Trường hợp có từ hai (02) người được bầu trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Ban Kiểm phiếu của Đại hội sẽ hỗ trợ cho Ban Kiểm soát đương nhiệm tại Đại hội tiến hành xem xét đến tỷ lệ đề cử cho người được bầu có số phiếu bầu ngang nhau kể trên, người có tổng số đề cử cao hơn sẽ là người trúng cử. Nếu việc xem xét tỷ lệ đề cử cũng đưa đến kết quả bằng nhau thì phải tiến hành bầu lại theo nguyên tắc bầu dồn phiếu cho đến khi tìm được người trúng cử.

- 20.4 Trong các trường hợp Công ty đã có Thành viên Hội đồng Quản trị bỏ phiếu do Hội đồng Quản trị đề cử, hoặc có Thành viên Ban Kiểm soát bỏ phiếu do Ban Kiểm soát đề cử, Đại hội đồng cổ đông không tiến hành bầu mà chỉ bỏ phiếu phê chuẩn Thành viên Hội đồng Quản trị bỏ phiếu trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị chính thức (tương tự với thủ tục phê chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát bỏ phiếu trở thành Thành viên Ban Kiểm soát chính thức) và Đại hội cổ đông bỏ phiếu phê chuẩn Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị. Việc bỏ phiếu phê chuẩn Thành viên Hội đồng Quản trị bỏ phiếu; Thành viên Ban Kiểm soát bỏ phiếu; Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức trong Đại hội cổ đông được thông qua khi có **ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) biểu quyết thuận** trong tổng số biểu quyết của các Đại biểu dự họp có mặt. Không áp dụng việc biểu quyết theo hình thức gửi phiếu biểu quyết trước đến cuộc họp trong thủ tục phê chuẩn này.

ĐIỀU 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 21.1 Trừ những vấn đề quy định tại Điều 15.1 phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, những vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị có thẩm quyền ban hành nghị quyết về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- 21.2 Trong thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Cổ đông là cá nhân tự mình biểu quyết; cổ đông là tổ chức thực hiện việc biểu quyết thông qua của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của mình. Không được ủy quyền cho người khác biểu quyết thay;
- 21.3 Các quyết định được thông qua trong thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi có tỷ lệ phiếu thuận **ít nhất 51%** trên tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- 21.4 Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi theo phương thức quy định tương tự như gửi thư mời họp Đại hội Cổ đông quy định tại ĐIỀU 17 Điều lệ này;
- 21.5 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Những vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm: **(i) tán thành; (ii) không tán thành; (iii) không ý kiến** (phiếu không ý kiến là phiếu có gửi về nhưng không đánh dấu vào bất kỳ phương án biểu quyết nào)
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 21.6 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi bằng thư. Phiếu lấy ý kiến của Cổ đông gửi về phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Gửi bằng fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty bằng fax hoặc thư điện tử phải được điền đúng vào mẫu phiếu lấy ý kiến có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Nếu gửi dưới hình thức bản fax hoặc thư điện tử, Phiếu ý kiến phải được gửi đi từ đúng địa chỉ thư điện tử của Cổ đông đã đăng ký trước với Công ty. Biểu quyết phải được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử hoặc số fax đã được cung cấp trong phiếu lấy ý kiến để được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- 21.7 Những Phiếu ý kiến có nội dung trả lời không đúng với phương án biểu quyết, có kèm theo những nội dung khác hoặc gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- 21.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- 21.9 Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải **có hình thức là** phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
- 21.10 Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
 - g. Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về

các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 21.11 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 21.12 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 21.13 Nghị quyết từ kết quả của việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý tương đương nghị quyết của **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**.

ĐIỀU 22. Biên bản và Nghị quyết Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 Biên bản Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là văn bản ghi chép những nội dung như quy định dưới đây và có thể ghi âm, ghi hình hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm diễn ra Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 22.2 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực chi phối. Các bản ghi chép, phiếu phát biểu; biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được tập hợp trong hồ sơ Đại hội và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- 22.3 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và **gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc**. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những sự kiện, diễn biến tại Đại hội đồng cổ đông. Theo quyết định của Hội đồng Quản trị **Biên bản kiểm phiếu được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty www.kbi.com.vn** (mục Cổ đông).
- 22.4 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được lập trên cơ sở các vấn đề được Đại hội đồng Cổ đông bỏ phiếu thông qua tại Cuộc họp và có chữ ký của Chủ tọa Cuộc họp. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty
- 22.5 Đại biểu dự họp có quyền gửi khiếu nại về nội dung biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tiếp đến Hội đồng Quản trị hoặc thông qua Ban kiểm soát trong vòng mười ngày kể từ khi nhận được Biên bản. Hội đồng Quản trị xem xét nếu thấy các khiếu nại trên là có cơ sở thì yêu cầu Thư ký đính chính lại Biên bản.
- 22.6 Trong trường hợp bản chính Biên bản cuộc họp hoặc/và Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã có hiệu lực bị thất lạc, tiêu huỷ vì bất kỳ lý do nào nay phải phục hiện lại theo thời gian thực; hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc theo quy định về thủ tục hành chính buộc những Biên bản và Nghị quyết đó phải được phục hiện theo ngày tháng hiện hành, thì Hội đồng Quản trị quyết định và xác thực việc phục hiện lại những văn bản đó (hoặc nội dung trích lục trong những văn bản đó) theo thời gian thực hiện hành, với điều kiện rằng việc phục hiện đó không được làm thay đổi, phát sinh, chấm dứt những quyền và nghĩa vụ đã phát sinh theo hiệu lực của văn bản gốc.

ĐIỀU 23. Yêu cầu hủy bỏ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản nêu rõ phần nội dung của Nghị quyết hoặc toàn bộ Nghị quyết được yêu cầu hủy bỏ và phải chứng minh được yếu tố trái pháp luật và Điều lệ Công ty. Văn bản yêu cầu hủy bỏ phải được gửi đến Hội đồng Quản trị trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày Công ty gửi Biên bản Cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đến các Cổ đông. Người yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải chịu trách nhiệm đối với yêu cầu của mình và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết không có căn cứ.
- 23.2 Hội đồng Quản trị phải nhóm họp xem xét các văn bản yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được lập đúng thẩm quyền, trình tự và thời gian theo quy định Pháp luật và Điều

lệ này. Kết quả xem xét yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải được quyết định một trong hai hình thức: (i) chấp nhận yêu cầu hủy bỏ phần Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông nếu xét thấy yêu cầu hủy bỏ là có căn cứ; (ii) không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông nếu Hội đồng Quản trị xem xét thấy yêu cầu hủy bỏ không có căn cứ.

- 23.3 Căn cứ vào kết quả của buổi họp xem xét, Hội đồng Quản trị phải trả lời bằng văn bản kết quả xem xét cho người gửi văn bản yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Kết quả trả lời bằng văn bản là cuối cùng, Hội đồng Quản trị không nhận văn bản khiếu nại hoặc yêu cầu lần hai. Người yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông không đồng ý với kết quả trả lời của Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu Tòa Án hoặc Trọng tài xem xét yêu cầu hủy bỏ của mình theo trình tự nêu dưới đây.
- 23.4 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Trình tự và thủ tục triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
- 23.5 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị chấp nhận, hoặc Tòa án hoặc Trọng tài phán quyết hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì tùy theo từng trường hợp: (i) chỉ có phần nội dung Nghị quyết được chấp nhận hoặc theo phán quyết bị hủy bỏ, những nội dung còn lại giữ nguyên hiệu lực; hoặc (ii) toàn bộ Nghị quyết Đại hội cổ đông được chấp nhận hoặc theo phán quyết bị hủy bỏ. Ngay sau khi có kết quả hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết, Hội đồng Quản trị phải nhóm họp trong vòng 7 (bảy) ngày để ra thông qua Nghị quyết về việc khắc phục hậu quả của nội dung hoặc toàn bộ Nghị quyết bị hủy bỏ đó theo các hướng: (i) triệu tập Cuộc họp hoặc Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản (nếu nội dung bị hủy bỏ không thuộc các vấn đề phải biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội Cổ đông); hoặc (ii) chuyển tiếp nội dung hoặc Nghị quyết bị hủy bỏ sang biểu quyết lại tại Cuộc họp Đại hội Cổ đông kế tiếp gần nhất; (iii) các biện pháp cụ thể khác phù hợp với lợi ích của Cổ đông, Công ty, và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật.
- 23.6 Trong vòng 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày có kết quả hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết, Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo đến toàn bộ các Cổ đông có quyền biểu quyết để thông báo về việc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết và phương án khắc phục của Hội đồng Quản trị. Thông báo phải kèm theo bản sao Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc chấp nhận yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, hoặc bản án của Tòa án hoặc

quyết định của Trọng tài phán quyết về yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông cùng với Nghị quyết về việc khắc phục của Hội đồng Quản trị.

- 23.7 Tất cả các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông luôn có giá trị thực thi cho đến khi mục tiêu của các nghị quyết trên đạt được. Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ thực thi tất cả các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trừ khi có một bản án hoặc phán quyết có hiệu lực tuyên bố rằng nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đã vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông không thể bị hủy bỏ, nếu không được một nghị quyết khác của Đại hội đồng Cổ đông thay thế, sửa đổi hoặc hủy bỏ nội dung đó. Nếu nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông không thể thực hiện được vì nguyên nhân khách quan nào đó, thì khi những nguyên nhân khách quan đó chấm dứt thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được khôi phục và thực hiện.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

- 24.1 Hội đồng Quản trị là cơ quan lãnh đạo thường trực của Công ty trong thời gian Đại hội đồng cổ đông không nhóm họp, có thẩm quyền ra những quyết định đối với mọi vấn đề kinh doanh và quản lý Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị hoạt động trên nguyên tắc biểu quyết tập thể dưới hình thức những cuộc họp được triệu tập hợp lệ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo trình tự và thủ tục do Pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định. Từng thành viên Hội đồng Quản trị riêng lẻ hoặc nhóm thành viên Hội đồng Quản trị tập hợp trái với trình tự thủ tục quy định tại Điều lệ này đều không có thẩm quyền và tư cách của Hội đồng Quản trị quy định trong Điều lệ này.

Hội đồng Quản trị hoạt động theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp; Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- 24.2 Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Tùy theo nhu cầu quản lý Công ty, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề xuất Đại hội Cổ đông phê chuẩn việc bổ sung hoặc giảm bớt số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ đó. Trong trường hợp số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị dù đã đạt tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhưng sau đó vì lợi ích của Công ty trong việc nhận được các khoản đầu tư hoặc khoản vay, tài trợ khác, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận điều kiện Người đại diện theo ủy quyền của tổ chức hoặc cá nhân là Cổ đông chiến lược, nhà tài trợ tín dụng, người sở hữu trái phiếu chiến lược theo quy định tại Điều 25.2 Điều lệ này làm Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền theo chế độ làm việc của Thành viên Dự khuyết thì số lượng thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được tạm thời tăng lên tương ứng cho đến khi việc tăng thêm Thành viên của nhiệm

kỳ này chính thức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông kế tiếp gần nhất. Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông không phê chuẩn số lượng thành viên Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ đó được tăng lên, thì ngay trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó phải tiến hành bãi miễn một số Thành viên về tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ khôi phục lại theo số lượng đã được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn trước đây.

- 24.3 Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị trong một nhiệm kỳ phải được Đại hội Cổ đông đầu nhiệm kỳ đó thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Thành viên Hội đồng Quản trị Dự khuyết sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn trở thành Thành viên chính thức sẽ có nhiệm kỳ bằng với thời gian còn lại của Hội đồng Quản trị.
- 24.4 Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền thực hiện công việc trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng Quản trị cho các tiểu ban trực thuộc. Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài để tư vấn, giúp đỡ về mặt chuyên môn cho Tiểu ban. Trong trường hợp Tiểu ban có thành viên bên ngoài luôn phải có ít nhất là một Thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm phụ trách Tiểu ban. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy quyền, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Những người không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị làm công việc tư vấn hoặc chuyên môn tại các Tiểu ban không được quyền biểu quyết mà chỉ được đề xuất các vấn đề để được phê chuẩn tại phiên họp của Hội đồng Quản trị.
- 24.5 Khi Hội đồng Quản trị kết thúc nhiệm kỳ, Đại hội Cổ đông của năm kết thúc nhiệm kỳ đó sẽ tiến hành đề cử ứng viên cho Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ kế tiếp theo nguyên tắc sau đây:
- a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng Quản trị.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm thành viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử sáu thành viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử bảy thành viên và nếu từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám thành viên.
 - c. Việc đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị phải hoàn thành trước ngày khai mạc Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố **tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông** trên trang thông tin

điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- d. Ban Kiểm soát đương nhiệm tại Đại hội giữ quyền giám sát quá trình đề cử nói trên. Sau khi đã công bố danh sách những người được đề cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông tiến hành bầu theo phương thức dồn phiếu quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này.
- e. Hội đồng Quản trị đương nhiệm tại đại hội có thể đề cử thêm ứng cử viên trong trường hợp tổng số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị cần thiết của một nhiệm kỳ.

24.6 Tiêu chuẩn và điều kiện để đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị:

- a. Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- b. Người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- c. Không phải là những Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát trước đây của Công ty đã bị Đại hội Cổ đông bãi nhiệm do vi phạm nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Những người này cũng không được giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị thừa uỷ nhiệm theo Điều lệ Công ty.
- d. Không phải là những người mà việc đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên tạo ra xung đột lợi ích với Công ty do sự kiêm nhiệm của họ trong chức vụ hoặc công việc làm tại doanh nghiệp khác là đối thủ cạnh tranh với Công ty; hoặc có xung đột quyền lợi với Công ty.
- e. Không phải là những người đã từng là Thành viên Hội đồng Quản trị; Thành viên Hội đồng Thành viên; Tổng Giám đốc; Giám đốc; Kế toán trưởng; Giám đốc tài chính của bất kỳ công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn nào, mà có bằng chứng cho thấy rằng những công ty này đã bị rơi vào tình trạng phá sản, giải thể vì lý do thua lỗ, hoặc đang trong tình trạng thua lỗ đến mức sẽ giải thể hoặc phá sản. Những người này cũng không được giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị thừa uỷ nhiệm theo Điều lệ Công ty.
- f. Không phải là những người đã từng có tiền án hình sự bất kể đã được xóa án tích hay chưa; những người đã từng bị kỷ luật ở mức độ sa thải theo Pháp luật Lao động hoặc mức

độ cách chức, buộc thôi việc theo Pháp luật về Cán bộ Công chức trong vòng năm (5) năm trước đó. Công ty cũng xem xét từ chối việc ứng cử, đề cử, và bãi nhiệm những người trước đây đã từng đảm nhiệm chức vụ quản lý ở một doanh nghiệp khác nhưng sau đó buộc phải từ chức, xin thôi việc vì lý do yếu kém trong công tác quản lý đã làm cho doanh nghiệp mà họ quản lý bị thất thoát hoặc thua lỗ nghiêm trọng.

24.7 Thành viên Hội đồng Quản trị đang đương nhiệm sẽ không còn đủ tư cách đảm nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong các trường hợp sau:

- a. Do các chuyển biến trong nghề nghiệp hoặc các vấn đề khác, Thành viên đó trở nên không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Khi những nguyên nhân mà từ đó họ được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị đã không còn hiện hữu như: các điều kiện để người đó được chấp thuận làm Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện không còn (do cổ đông là tổ chức chuyển nhượng hết cổ phần, nhà tài trợ rút vốn .v.).
- c. Khi Thành viên Hội đồng Quản trị vi phạm nghĩa vụ trung thành với lợi ích công ty hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ khác của Thành viên HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp hoặc/và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- d. Khi việc đảm nhiệm chức vụ của họ trong Hội đồng quản trị của Công ty sẽ tạo ra mâu thuẫn do: i) Sự kiêm nhiệm của họ trong chức vụ tại một doanh nghiệp khác; ii) làm việc, cộng tác, cung cấp thông tin cho đối thủ cạnh tranh (trừ khi những việc làm trên đây Hội đồng Quản trị Công ty đã biết và chấp thuận cho thành viên này được làm những công việc trên); iii) Đặt Công ty vào những tình thế xấu trong cạnh tranh; iv) gây ảnh hưởng tiêu cực đến các mối quan hệ song phương, đa phương và cộng đồng của Công ty;
- e. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đối với những người không còn đủ tư cách đảm nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty mà người đó không tự nộp đơn xin từ chức, nếu xét thấy việc tiếp tục tư cách Thành viên của họ sẽ gây thiệt hại cho Công ty, hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Hội đồng Quản trị thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét để bãi nhiệm tạm thời thành viên Hội đồng Quản trị này. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần kế tiếp gần nhất sẽ xem xét phê chuẩn quyết định bãi nhiệm tạm thời của Hội đồng quản trị nói trên.

24.8 Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mà không cần nêu lý do. Thành viên Hội đồng Quản trị đã bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông không được ứng cử, đề cử, bầu cử để trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên

Ban kiểm soát trong bất kỳ nhiệm kỳ nào sau đó; Thành viên bị bãi nhiệm này cũng không được giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị thừa uỷ nhiệm theo Điều lệ này.

- 24.9 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 25. Các tư cách Thành viên HĐQT đặc biệt: Thành viên HĐQT Bổ khuyết - Thành viên HĐQT đại diện tổ chức - Thành viên HĐQT thừa uỷ nhiệm

Ngoài Thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, một số người khác có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này cũng có thể trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị trong những trường hợp đặc biệt gọi là Thành viên Hội đồng Quản trị đặc biệt:

- 25.1 **Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị Bổ khuyết** được xác lập trong những điều kiện và thủ tục như sau:
- a. Trong một số trường hợp, vị trí Thành viên HĐQT bị khuyết do một hoặc một số Thành viên HĐQT từ nhiệm, được miễn nhiệm, và những trường hợp khác mà Hội đồng Quản trị nhận thấy cần thiết phải bổ sung Thành viên HĐQT vào vị trí bị khuyết đó, Hội đồng Quản trị có thể bầu một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị bổ khuyết vào chỗ trống phát sinh với điều kiện tổng số thành viên sau khi đã bổ sung không được vượt quá tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b. (Những) Thành viên Hội đồng Quản trị bổ khuyết có nhiệm kỳ từ lúc được Hội đồng Quản trị bầu bổ sung cho đến Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất được triệu tập. Nếu được Đại hội đồng cổ đông này bỏ phiếu phê chuẩn trở thành thành viên Hội đồng Quản trị chính thức, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị chính thức sau khi được phê chuẩn sẽ được tính từ lúc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm đến hết nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị. Nếu kết quả biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông không đủ số phiếu thuận để thông qua, thì tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị bổ khuyết chấm dứt ngay tại thời điểm có kết quả biểu quyết và Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành ngay việc đề cử ứng viên và bỏ phiếu bầu Thành viên Hội đồng Quản trị khác theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này.
 - c. Trong khoản thời gian từ khi được Hội đồng Quản trị bầu bổ sung cho đến kỳ Đại hội cổ đông gần nhất bỏ phiếu chấp nhận trở Thành viên Hội đồng Quản trị chính thức, Thành viên Hội đồng Quản trị bổ khuyết không được uỷ quyền cho người khác làm Thành viên Hội đồng Quản trị thừa uỷ nhiệm như quy định tại Điều 25.3 Điều lệ này.

- d. Thành viên Hội đồng Quản trị bỏ khuyết có đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ và được hưởng thù lao, lợi ích khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này như các Thành viên Hội đồng Quản trị chính thức khác.

25.2 **Tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền** được xác lập trong những điều kiện và thủ tục như sau:

- a. Trong trường hợp mà việc mua cổ phần, Trái phiếu do Công ty phát hành của nhà đầu tư là cá nhân tổ chức có kèm theo điều kiện chính họ hoặc người đại diện của họ phải trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty hoặc trường hợp một Cổ đông là tổ chức, hoặc một tổ chức nào khác là đối tác có quan hệ kinh tế mật thiết với Công ty, quan tâm đến việc trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty để giám sát phần vốn góp, vốn vay hoặc những khoản hợp tác đầu tư khác tại Công ty, **Hội đồng Quản trị Công ty sẽ họp và xem xét việc chấp thuận điều kiện đó. Nếu chấp thuận thì Người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức đó sẽ được Hội đồng Quản trị Công ty bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền. Thành viên này có chế độ làm việc của Thành viên Dự khuyết và sẽ trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị chính thức nếu sau đó được Đại hội đồng Cổ đông bỏ phiếu phê chuẩn trong Đại hội Cổ đông gần nhất. Nếu Đại hội đồng Cổ đông không phê chuẩn tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị chính thức của Thành viên Dự khuyết đó, thì cá nhân tổ chức phải thay đổi một Người đại diện theo ủy quyền khác.**
- b. Để được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền trong những trường hợp nêu tại điều này, cá nhân tổ chức cử người phải gửi văn bản ủy quyền đến Hội đồng Quản trị chỉ định người thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền tại Hội đồng Quản trị Công ty được gọi là Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền.
- c. Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền phải từ nhiệm khi cá nhân, tổ chức mà họ đại diện đã chuyển nhượng cổ phần đến dưới mức sở hữu tối thiểu đã thỏa thuận trước đó với Công ty để trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc (các) tổ chức mà họ đại diện đã không còn mối quan hệ kinh tế với Công ty mà vì lý do đó họ đã trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp trên **Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền** vẫn có thể tiếp tục là Thành viên Hội đồng Quản trị nếu được Hội đồng Quản trị đương nhiệm biểu quyết đồng ý. Trong trường hợp cá nhân không còn quan hệ (về đại diện, lao động, ủy quyền, phân công) với tổ chức mà họ đang giữ tư cách **Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền**; hoặc tổ chức này vì bất kỳ lý do nào muốn thay đổi người đại diện của họ để làm **Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền** tại Hội đồng Quản trị thì hoặc cá nhân đó phải có văn bản từ nhiệm hoặc tổ chức có văn bản đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị xin miễn nhiệm cá nhân đó để thay thế bằng một cá nhân khác. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhận được văn bản, đương nhiên cá nhân đó

sẽ không còn tư cách **Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền**, tuy nhiên cá nhân thay thế phải được Hội đồng Quản trị biểu quyết chấp thuận. Nếu không được chấp thuận thì tổ chức phải tiếp tục đề cử cá nhân thay thế khác cho đến khi được Thành viên Hội đồng Quản trị chấp nhận.

- d. Mọi thù lao và lợi ích khác của **Thành viên Hội đồng Quản trị đại diện theo ủy quyền** được hưởng như các Thành viên Hội đồng Quản trị khác và được trả trực tiếp cho cá nhân thành viên đó.

25.3 **Tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm** được xác lập trong những điều kiện và thủ tục như sau:

- a. Thành viên Hội đồng Quản trị chính thức do được bầu hoặc được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông (trong phạm vi Điều khoản này gọi là “**Người ủy nhiệm**”) có thể ủy nhiệm bằng văn bản cho một người khác, được Hội đồng Quản trị chấp thuận bằng một nghị quyết, tự nguyện thực hiện làm người đại diện thường xuyên thực thi trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị cho mình tại Hội đồng Quản trị (người đại diện đó gọi là “**Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm**”). Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm thực thi thường xuyên, liên tục chức trách suốt thời hạn ủy nhiệm trong văn bản hoặc cho đến khi Người ủy nhiệm ủy nhiệm có văn bản hủy bỏ việc ủy nhiệm đó hoặc Hội đồng Quản trị biểu quyết đa số chấm dứt việc ủy nhiệm đối với Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm.
- b. Việc ủy nhiệm không phải là sự chuyển giao tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị của Người ủy nhiệm. Vì vậy Người ủy nhiệm vẫn có thể tiếp tục thực hiện công việc Thành viên Hội đồng Quản trị trong thời gian ủy nhiệm. Tuy nhiên Người ủy nhiệm và Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm không thể cùng đồng thời thực hiện chức năng Thành viên Hội đồng Quản trị. Trong bất kỳ thời điểm nào trong thời gian ủy nhiệm, sự tham gia trở lại với tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị của Người ủy nhiệm cũng được hiểu là tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm đương nhiên bị tạm thời gián đoạn tại thời điểm đó. **Người ủy nhiệm không bị coi là vi phạm nghĩa vụ mẫn cán đối với Công ty vì đã ủy nhiệm một Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm như quy định của Điều lệ này.**
- c. Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm có quyền tham gia phát biểu và biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị và được ủy quyền để thực hiện tất cả các quyền hạn khác **trong phạm vi ủy quyền** trong thời gian Người ủy nhiệm không thực thi chức trách, nhưng Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm không được ủy nhiệm lại cho người khác. Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm có quyền được nhận tất cả thông báo về các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, tuy nhiên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể lựa chọn

một trong những cách gửi thông báo về tất cả các cuộc họp nói trên: gửi cho một trong hai hoặc gửi cho cả hai Người ủy nhiệm và Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm.

- d. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng Quản trị vẫn được tính cho Người ủy nhiệm, trừ khi Người ủy nhiệm có văn bản chỉ định Công ty chuyển trả những khoản đó cho Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm.
- e. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm đương nhiên chấm dứt trong trường hợp Người ủy nhiệm không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị. **Trường hợp nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị kết thúc, mà sau đó Người ủy nhiệm được bầu trở lại làm Thành viên Hội đồng Quản trị tại một nhiệm kỳ khác thì việc ủy nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm phải thực hiện thủ tục lại từ đầu.**
- f. Việc ủy nhiệm hoặc bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm phải được Người ủy nhiệm làm bằng văn bản gửi cho Hội đồng Quản trị và việc ủy nhiệm chỉ có hiệu lực khi Hội đồng Quản trị đã chấp thuận trên cơ sở biểu quyết đa số tán thành hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
- g. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm luôn được coi như là thành viên Hội đồng Quản trị trên mọi phương diện và Người ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm về những hành vi do Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm đại diện mình thực hiện tại Hội đồng Quản trị.
- h. Quy chế dành cho Thành viên Hội đồng Quản trị thừa ủy nhiệm trên đây không được áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác (sau đây gọi là “**Người dự họp thay thế**”) được Thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền thay mặt họ dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị. Văn bản ủy quyền dự họp thay thế chỉ có giá trị trong một cuộc họp duy nhất và nếu ủy quyền cho một người không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị thì người đó phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận vào trước buổi họp. Người dự họp thay thế chỉ được họp thay thế cho một Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền dự họp thay thế phải chịu trách nhiệm về những hành vi mà người đã dự họp thay thế xác lập trong cuộc họp Hội đồng Quản trị như chính họ đã tự mình thực hiện những hành vi đó.

ĐIỀU 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- 26.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

- 26.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các Người Quản lý khác của Công ty.
- 26.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, **Quy chế nội bộ về quản trị công ty** và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn
 - b. **Quyết định kế hoạch kinh doanh năm tài chính có tổng doanh thu kế hoạch riêng của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Kim Bình dưới 1.000.000.000.000 Đồng (một ngàn tỷ đồng) hoặc tổng doanh thu kế hoạch hợp nhất của hệ thống HBG dưới 1.500.000.000.000 Đồng (một ngàn năm trăm tỷ đồng).**
 - c. Chuẩn bị và trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - e. Sau khi xem xét các điều kiện tài chính của Công ty, quyết định việc tạm ứng cổ tức cho Cổ đông. Kiến nghị Đại hội Cổ đông thông qua mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - f. Hội đồng quản trị có quyền quyết định phát hành loại trái phiếu không chuyển đổi thành cổ phần, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
 - g. Trong mỗi khoảng thời gian 12 tháng, được quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đang lưu hành;
 - h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (**ngoài thẩm quyền của Tổng Giám đốc**) có **giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - k. Đối với những giao dịch với người liên quan quy định, tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê chuẩn các hợp đồng và giao dịch có

giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức tiền lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng hoặc giám đốc tài chính Công ty; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; **cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị tại các doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp, cổ phần, đầu tư, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;**
- m. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; Xem xét Phê duyệt các khoản đầu tư hoặc mua sắm tài sản hoặc mua bán cổ phần, vốn góp do Tổng Giám đốc đã chủ động thực hiện trong thẩm quyền quy định tại Điều 33.1.1 Điều lệ này.
- n. Thông qua các hợp đồng tín dụng, **hợp đồng bảo lãnh** với ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các bên thứ ba khác, việc vay, cho vay và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị từ năm (5) tỷ đồng trở lên;
- o. Thông qua các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm (5) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- p. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị trên năm (5) tỷ đồng Việt Nam;
- q. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- r. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, nhưng do tính chất quan trọng của giao dịch đó mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- s. **Thông qua cơ cấu tổ chức chung của Công ty do Tổng Giám đốc đệ trình, Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua,**
- t. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; **Thực hiện quyền của Chủ sở hữu đối với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% Vốn.** Ban hành các quy chế hoạt động của Công ty và các Công

ty con; thay đổi, bổ sung nội dung Điều lệ các Công ty con mà Công ty có thẩm quyền thay đổi, bổ sung điều lệ.

- u. Giải thích nội dung Điều lệ này khi có yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này; Người Quản lý Công ty hoặc thành viên Ban kiểm soát;
- v. Đại diện Công ty giải quyết tất cả các loại khiếu nại trong nội bộ Công ty không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc;
- w. Ban hành các nghị quyết liên quan đến việc tổ chức Đại hội Cổ đông theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- x. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

26.4 Hội đồng Quản trị phải báo cáo trong Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Người Quản lý Công ty khác trong năm tài chính..

26.5 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho bất kỳ người nào trong hoặc ngoài Công ty thực hiện những công việc đã được quyết định trong Nghị quyết.

ĐIỀU 27. Thù lao, tiền thưởng của Thành viên Hội đồng Quản trị.

27.1 Thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao hàng tháng từ công việc của mình. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc thứ bậc chức vụ được bầu trong Hội đồng Quản trị và/hoặc theo khối lượng, tính chất công việc từng Thành viên được phân công phụ trách. Trong trường hợp tổng số tiền thù lao (kể cả ngân sách hoạt động hằng năm) của Hội đồng Quản trị là không đổi hoặc chỉ phát sinh chênh lệch trong phạm vi 10% (mười phần trăm) so với hạn mức ngân sách đã được Đại hội Cổ đông đã thông qua trước đó thì Hội đồng Quản trị không phải xin phê chuẩn và không phải báo cáo tổng kết từng năm tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

27.2 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được hưởng tiền thưởng tùy theo vào kết quả kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm, Đại hội đồng Cổ đông căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính vừa kết thúc để xem xét phê chuẩn mức thưởng (ngoài tiền thù lao) tính trên phần trăm lợi nhuận trước thuế Hợp nhất cho Hội đồng Quản trị (và Ban kiểm soát). Ngoài ra, đối với các thành tích vượt trội khác đạt được trong quá trình thực hiện công việc lãnh đạo Công ty, xét

thấy cần thiết phải động viên kịp thời Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông có thể phê chuẩn mức thưởng khác với mức thưởng hàng năm.

- 27.3 Các khoản thưởng Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua sẽ được trích từ khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty chuyển vào Quỹ thưởng chung dành cho Hội đồng Quản trị. Việc sử dụng Quỹ thưởng này được báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- 27.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ căn cứ vào chức vụ các Thành viên trong Hội đồng Quản trị và/hoặc theo công sức đóng góp trong công tác chung của Hội đồng Quản trị để tiến hành phân chia cụ thể tiền thưởng trong Quỹ thưởng chung dành cho Hội đồng Quản trị cho từng thành viên. Trong lúc phân chia tiền thưởng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể xem xét phân chia tiền thưởng cho những người không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhưng đã tham gia hoặc góp phần vào công việc và thành công chung của Công ty. Tùy theo mức trích thưởng hàng năm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải phân chia toàn bộ số tiền được trích trong kỳ trích thưởng, hoặc số tiền có trong Quỹ thưởng.
- 27.5 Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công theo từng vụ việc, từng lần công tác, hoặc theo mức hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 27.6 Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Các chi phí này thuộc ngân sách hoạt động hàng năm của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

ĐIỀU 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 28.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty.
- 28.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch trên cơ sở biểu quyết đa số tán thành. Hội đồng Quản trị đồng thời bầu ra một Phó Chủ tịch nếu xét thấy cần thiết.

- 28.3 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty theo biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 28.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; Ký các Nghị quyết và văn bản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị Ký các Nghị quyết, Biên bản Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và văn bản, chứng từ khác với tư cách Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản.
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Ký các Quyết định liên quan đến việc điều hành hoạt động chung của Hội đồng Quản trị.
 - f. Chỉ đạo, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định tạm ứng hoặc quyết toán các chi phí công tác và/hoặc thù lao bổ sung cho các Thành viên Hội đồng Quản trị (và Ban Kiểm soát) khi họ thực hiện những công tác cho Công ty ngoài phạm vi công việc bình thường của Thành viên Hội đồng Quản trị, và sau đó đề xuất Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn các khoản chi này.
 - i. Quyết định việc phân phối Quỹ tiền thưởng cho các Thành viên từ quỹ thưởng của Hội đồng quản trị. Quyết định tạm ứng thưởng cho các Thành viên Hội đồng Quản trị (và Ban Kiểm soát) nếu thấy cần thiết, và sau đó chịu trách nhiệm đề xuất Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn các khoản tạm ứng thưởng này.
 - j. Những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 28.5 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch thực hiện những công việc như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì

lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

- 28.6 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 28.7 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

ĐIỀU 29. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản trị

- 29.1 Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ tập thể thông qua các hình thức sau đây:
- Các cuộc họp thường kỳ được tiến hành ít nhất mỗi quý một lần.
 - Các cuộc họp bất thường được triệu tập hợp lệ theo những quy định trong Điều lệ này.
 - Thực hiện công việc thuộc chế độ làm việc thường trực của Hội đồng Quản trị là chế độ làm việc với tư cách là cơ quan lãnh đạo của Công ty để giải quyết những công việc không thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc. Khi thực hiện công việc thuộc chế độ làm việc thường trực, Hội đồng quản trị có thể tổ chức hoặc không tổ chức cuộc họp theo thủ tục chung quy định tại Điều lệ này.
- 29.2 Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự cuộc họp theo một trong các hình thức sau:
- Trực tiếp tham dự họp (kể cả việc dự họp trực tuyến đúng theo các tiêu chuẩn được nêu trong Điều lệ này).
 - Ủy quyền bằng văn bản cho Thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc cho Người dự họp thay thế nếu được Hội đồng Quản trị chấp thuận ngay trước buổi họp.
 - Việc ủy quyền họp được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng Email chính thức theo mẫu gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty. Mỗi lần ủy quyền tham dự cuộc họp chỉ có giá trị tương ứng với một kỳ họp (tương ứng với hiệu lực của một thư mời họp). Trừ trường hợp được sự đồng ý của HĐQT, Thành viên HĐQT không được thực hiện việc ủy quyền dự họp quá ba [03] lần liên tục.
 - Gửi phiếu biểu quyết đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước buổi họp.
- 29.3 Về nguyên tắc, Thành viên HĐQT phải thể hiện nghĩa vụ mẫn cán với Công ty bằng việc tự mình tham gia các phiên họp, chỉ trong những trường hợp thật sự không thể tự mình tham gia phiên họp mới ủy quyền cho Người dự họp thay thế hoặc Gửi phiếu biểu quyết trước buổi họp. Hội đồng Quản trị sẽ biểu quyết không chấp thuận việc ủy quyền cho Thành viên Hội đồng

Quản trị khác; Người dự họp thay thế hoặc Gửi phiếu biểu quyết trước buổi họp quá hai lần trong phạm vi sáu tháng nếu có căn cứ cho rằng người thực hiện việc đó đã vi phạm nghĩa vụ mẫn cán của Thành viên Hội đồng Quản trị.

- 29.4 Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện giao tiếp thông tin trong các cuộc họp và trong mọi công việc bằng lời nói trực tiếp, bằng văn bản có chữ ký nguyên bản của mình (không sử dụng văn bản scan hoặc photocopy), bản fax sau khi đã xác nhận bằng điện thoại, và bằng email chính thức do Công ty cung cấp có đuôi tên miền: hbc.com.vn (sau đây gọi là “**Email chính thức**”). Mọi hình thức giao tiếp thông tin khác như: lời nói truyền khẩu, tin nhắn điện thoại; hộp thư thoại; email cá nhân hoặc bất cứ email nào khác với Email chính thức đều không có hiệu lực.
- 29.5 **Các cuộc họp thường kỳ:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị **thường kỳ**, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp và gửi thư mời họp cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị **ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến**. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 29.6 **Các cuộc họp bất thường:** Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các trường hợp dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm **Người điều hành Công ty**;
 - b. Hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Ban kiểm soát hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo các trường hợp đề xuất trên đây phải được tiến hành trong thời hạn mười (10) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp trong thời hạn mười (10) ngày như đã đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; lúc đó những người có thẩm quyền đề nghị tổ chức cuộc họp được nêu trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

- 29.7 **Công việc thuộc chế độ làm việc thường trực của Hội đồng Quản trị:** Trong công việc giao dịch, thực hiện các thủ tục cần thiết đối với cơ quan quản lý nhà nước, ngân hàng, đối tác và các bên thứ ba khác, mà những công việc đó yêu cầu phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng Quản trị để hoàn thành thủ tục chung, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể thông báo cho các Thành viên bằng email, fax, điện thoại ký các loại văn bản theo yêu cầu của giao dịch hoặc thủ tục hành chính chung mà không cần thực hiện thủ tục mời họp như quy định của Điều lệ này. Khi thực hiện công việc thuộc chế độ làm việc thường trực, nếu có tổ chức thành cuộc họp

theo thủ tục chung quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải lập biên bản ghi nhận nội dung của cuộc họp đó.

- 29.8 Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và không có ý kiến phản đối trước phiên họp dự kiến ba (03) ngày của đa số Thành viên Hội đồng Quản trị.
- 29.9 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị **ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến** bằng email, fax, hoặc thư đảm bảo tùy theo sự lựa chọn mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhận thấy thích hợp. Các Thành viên Hội đồng có thể gửi văn bản, fax hoặc email từ chối thông báo mời họp nếu có căn cứ cho rằng việc triệu tập họp là trái với Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Thông báo họp Hội đồng Quản trị và tài liệu dự họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt (có thể kèm theo bản dịch ra tiếng nước ngoài) và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp và kèm theo các bản uỷ quyền dự họp cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp trực tiếp. Những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể được gửi chung với Thư mời họp, hoặc gửi riêng rẽ, hoặc là những tập tin điện tử để tải về.
- 29.10 Trong một số trường hợp Hội đồng Quản trị cần họp khẩn cấp mà việc thông báo mời họp theo lịch trình **ít nhất 03 (ba) ngày** như kể trên sẽ không đáp ứng được tính cấp thiết của vấn đề cần phải giải quyết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể thông báo trong thời hạn trước sáu (06) giờ buổi họp bất thường bằng telephone, tin nhắn qua điện thoại, fax, hoặc email cho từng Thành viên Hội đồng Quản trị mà không cần phải tuân thủ về thời gian và văn bản thông báo như nêu trên. Việc mời họp trong trường hợp này sẽ có hiệu lực nếu không có Thành viên Hội đồng Quản trị nào bày tỏ ý định phản đối (mặc dù có thể không đến dự họp được).
- 29.11 Vấn đề không nêu trước trong chương trình nghị sự: Trong một số trường hợp cấp bách, cần thiết hoặc do yêu cầu về bảo mật, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể quyết định không nêu cụ thể một hoặc một số nội dung thảo luận trong văn bản chương trình nghị sự, thì Chủ tịch HĐQT vẫn có thể đưa ra để thảo luận ngay trong buổi họp. Biểu quyết đối với các nội dung này vẫn được coi là hợp lệ nếu không có Thành viên Hội đồng Quản trị nào bày tỏ ý định phản đối việc không đưa nội dung biểu quyết đó vào bản chương trình nghị sự trước đó (mặc dù có thể không bỏ phiếu thuận khi biểu quyết vấn đề này). Các Thành viên HĐQT có quyền đề nghị đưa ra thảo luận tại buổi họp HĐQT những vấn đề phát sinh không dự kiến trước trong chương trình nghị sự, tuy nhiên đề nghị này phải được Chủ tịch HĐQT chấp thuận ngay trong buổi họp, trước khi vấn đề đó được thảo luận và quyết định.

- 29.12 Túc số một cuộc họp Hội đồng Quản trị được tính bao gồm: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp tham gia buổi họp; Người dự họp thay thế; và Thành viên gửi phiếu biểu quyết trước cuộc họp.
- a. Túc số cuộc họp lần thứ nhất của Hội đồng Quản trị là **ba phần tư (3/4)** tổng số số thành viên Hội đồng Quản trị **đương nhiệm**.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất được triệu tập không đủ Túc số thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu Túc số đạt **hơn một nửa (1/2)** số thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ hai vẫn không đủ Túc số thì cuộc họp sẽ được tổ chức họp trong thời hạn 07 ngày sau ngày dự định họp lần thứ hai với điều kiện có **ít nhất 02 (hai) Thành viên** Hội đồng Quản trị dự họp. Trong trường hợp này các quyết định được thông qua nếu cả hai Thành viên dự họp này đều biểu quyết thuận.
- 29.13 Trong tất cả cuộc họp được triệu tập lần kế tiếp do cuộc họp lần thứ nhất không đủ túc số, nội dung họp vẫn được giữ nguyên như dự định cho cuộc họp lần thứ nhất và không cần phải gọi lại chương trình, tài liệu họp như lần triệu tập đầu tiên.
- 29.14 Các thành viên dự họp không được tự ý bỏ về giữa chừng trong một cuộc họp. Các Thành viên còn lại của cuộc họp đó có thể xem xét hành vi tự bỏ về giữa chừng một cuộc họp của một hoặc một số Thành viên là vi phạm nghĩa vụ mẫn cán của Thành viên Hội đồng Quản trị bằng một biểu quyết đa số. Nếu có lý do phải ra về giữa chừng cuộc họp thì (các) Thành viên đó phải thông báo ngay cho chủ tọa cuộc họp biết. Khi có Thành viên ra về giữa chừng cuộc họp, nhưng sau đó Túc số vẫn đạt theo quy định (tuỳ theo số lần đã triệu tập cuộc họp đó) cuộc họp vẫn được tiếp tục. Thành viên ra về được coi là đã bỏ phiếu trắng cho tất cả các vấn đề biểu quyết còn lại. Nếu túc số không đạt theo quy định thì Chủ tọa xem xét giải quyết cuộc họp theo các trường hợp sau:
- a. Tạm ngưng cuộc họp trong vòng 24 giờ đồng hồ liên tục nếu có căn cứ để cho rằng Túc số sẽ được tái lập vào khoảng thời gian trên. Vào thời điểm Túc số được tái lập, cuộc họp được tiếp tục với nội dung tiếp nối vào thời điểm đã bị tạm ngưng. Trong trường hợp này cuộc họp không được tính là lần họp tiếp theo;
 - b. Chấm dứt cuộc họp lần đó tại thời điểm không còn đủ Túc số. Ghi nhận sự kiện vào biên bản cuộc họp đồng thời quyết định triệu tập cuộc họp lần kế tiếp trong thời hạn quy định trong Điều lệ này tại thời điểm chấm dứt cuộc họp. Tại cuộc họp lần kế tiếp, nội dung cuộc họp được tiến hành tiếp theo ngay phần nội dung bị gián đoạn của lần trước mà không phải bắt đầu ngay lại từ đầu, những biểu quyết của lần họp trước vẫn giữ nguyên giá trị.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Người dự họp đến muộn sau khi cuộc họp đã bắt đầu, chỉ được tham gia phát biểu và biểu quyết những vấn đề còn lại, không được yêu cầu cuộc họp bắt đầu lại từ đầu. Ngoại trừ những trường hợp mà do sự vắng mặt của những người này trước đó đã làm cho những biểu quyết không thực hiện được, thì chỉ những biểu quyết này được bắt đầu trở lại.

29.15 Trường hợp Thành viên gửi phiếu biểu quyết đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay cho việc dự họp trực tiếp thì Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

29.16 Biểu quyết các vấn đề tại phiên họp.

- a. Trừ những trường hợp không được tham gia biểu quyết theo quy định dưới đây. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người dự họp thay thế có một phiếu biểu quyết cho mỗi vấn đề biểu quyết trong cuộc họp. Trường hợp một Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp theo ủy quyền của một Thành viên Hội đồng Quản trị khác theo quy định của Điều lệ này sẽ có thêm một phiếu để biểu quyết thay thế, trong trường hợp này họ có thể thực hiện hai biểu quyết đối lập nhau: một cho chính họ và một theo ý chí của Thành viên đã ủy quyền cho họ.
- b. Nguyên tắc biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định theo kết quả biểu quyết **đa số tán thành (trên 50%)** trên tổng số dự họp (bao gồm cả người dự họp biểu quyết trực tiếp và phiếu biểu quyết gửi về trước). Trường hợp biểu quyết tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. Những ý kiến phản đối của Thành viên Hội đồng Quản trị phải được ghi rõ vào Biên bản buổi họp.
- c. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất nếu thuộc vào các trường hợp phải thực hiện Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty vì có lợi ích liên quan. Những Thành viên trên vẫn được tính vào túc số của cuộc họp nhưng tổng số biểu quyết được trừ đi những thành viên này để tính tỷ lệ biểu quyết.
- d. Nếu Thành viên tham gia buổi họp không chấp thuận việc từ bỏ quyền biểu quyết vì cho rằng mình không thuộc vào trường hợp phải thực hiện Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty nói trên. Vấn đề này sẽ do Chủ tọa cuộc họp quyết định cuối cùng. Nếu Chủ tọa cuộc họp cũng là người phải thực hiện Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty thì Hội đồng Quản trị sẽ biểu quyết vấn đề theo nguyên tắc đa số và những người có tranh chấp về nghĩa vụ này không được tham gia biểu quyết.

e. Thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, không áp dụng hình thức bỏ phiếu trong các phiên họp Hội đồng Quản trị.

29.17 Theo quyết định của Chủ toạ, cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau trên điện thoại hoặc các phương tiện truyền thông khác có công năng truyền tiếng nói hoặc tiếng nói cùng với hình ảnh kể cả bằng cách sử dụng các phần mềm trên máy tính khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Những phương tiện truyền thông đó đảm bảo được tính chất thời gian thực để từng người dự họp có thể trực tiếp nghe tất cả thành viên dự họp khác phát biểu và ngược lại họ có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
- Các điều kiện kỹ thuật có thể đảm bảo được các nội dung được truyền đạt là đầy đủ và chính xác;
- Các thành viên dự họp có thể biểu quyết được bằng giọng nói trước sau đó phải gửi xác nhận biểu quyết bằng Email chính thức.

Theo điều kiện họp này, tức số được xác định vào ngay đầu buổi họp và mặc định là được duy trì suốt cuộc họp, bất kể rằng có thể xảy ra hiện tượng mất kết nối với một hoặc một số người tham dự, mất liên lạc giữa chừng cuộc họp mà không xác định được rằng họ đã rời cuộc họp hoặc do lỗi kỹ thuật. Các Thành viên tham gia buổi họp từ xa, trong trường hợp không thể biểu quyết bằng giọng nói trên phương tiện truyền thông, phải gửi Email chính thức cho Chủ toạ cuộc họp đó để biểu quyết trong vòng hai mươi bốn (24) giờ. Quá thời hạn kể trên mà Chủ toạ cuộc họp không nhận được email biểu quyết, thì coi như Thành viên này có tham dự buổi họp nhưng đã không có ý kiến đối với những vấn đề đó. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự từ xa được tổ chức một cách hợp lệ sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, các Email chính thức xác nhận biểu quyết sẽ được in ra và đóng dấu của Công ty thay cho chữ ký của từng thành viên dự họp. Biên bản cuộc họp sẽ ghi địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

29.18 Những vấn đề quan trọng sau đây phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp để thảo luận và biểu quyết:

- a. Quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trong phạm vi doanh số kế hoạch thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc đề xuất kế hoạch kinh doanh năm có doanh số kế hoạch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông như quy định tại Điều I.Điều 1.1)b Điều lệ này.

- b. Kiến nghị Đại hội Cổ đông thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của Công ty
- c. Phê chuẩn các giao dịch với các đối tác thuộc thẩm quyền do pháp luật hoặc Điều lệ này quy định.
- d. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền do pháp luật hoặc Điều lệ này quy định;
- e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- f. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- g. Quyết định thời điểm, phương thức, giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- h. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- i. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty;
- j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, nhận xét, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- k. **Phê chuẩn** cơ cấu tổ chức, **Quy chế về quản lý nội bộ công ty**, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m. **Thông qua để trình các báo cáo và các báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;**
- n. Xác định mức kiến nghị cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; **Kiến nghị mức trích thưởng cho Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.**
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- p. Kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty.

- 29.19 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể xem xét thực hiện việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản bằng cách gửi nội dung cần lấy ý kiến đến tất cả Thành viên Hội đồng Quản trị để biểu quyết mà không cần tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chỉ tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề mà Điều lệ này không buộc phải thảo luận và thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị như trên đây. Hình thức gửi nội dung lấy ý kiến có thể bằng một trong các hình thức: gửi thư đường bưu điện, gửi thư trao tay; gửi bằng fax từ máy fax của Công ty, gửi bằng Email chính thức theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị tùy theo từng hoàn cảnh thích hợp với nội dung cần biểu quyết.
- 29.20 Nghị quyết từ việc lấy ý kiến bằng văn bản hợp lệ phải đạt được đầy đủ các điều kiện sau đây:
- Phải có bằng chứng về việc văn bản lấy ý kiến đã được gửi cho tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết về nghị quyết đó như: Biên nhận báo phát của Bưu điện; ký nhận của người nhận; xác nhận của máy fax; xác nhận từ Email chính thức;
 - Túc số tham gia biểu quyết bằng với Túc số quy định trong trường tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị. Túc số tính bao gồm: Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có gửi kết quả biểu quyết về Thư ký Công ty trong thời hạn quy định.
 - Các Thành viên Hội đồng Quản trị phải tự mình thực hiện biểu quyết bằng văn bản (ký vào các văn bản lấy ý kiến) mà không được uỷ quyền cho người khác.
 - Thời hạn phản hồi bằng văn bản hoặc fax hoặc Email chính thức của các thành viên được gửi cho Thư ký Công ty chậm nhất là sau ba (3) ngày kể từ ngày nhận được tài liệu. Nếu sau thời hạn yêu cầu trả lời, thành viên nào không trả lời xem như thành viên đó không tham gia biểu quyết.
- 29.21 Nghị quyết từ việc lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết được thông qua bằng kết quả biểu quyết của các Thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản như trên.
- 29.22 Thực hiện công việc thuộc chế độ làm việc thường trực của Hội đồng Quản trị bao gồm việc ký các công văn, giấy tờ, văn bản theo thủ tục hành chính chung hoặc thực hiện các cuộc họp với các đối tác, cơ quan nhà nước và bên thứ ba và những công việc khác không thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Khi thực hiện công việc thuộc chế độ làm việc thường trực, các Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là có mặt tại địa điểm làm việc (trụ sở Công ty hoặc nơi khác) đúng với Túc số cần thiết của một cuộc họp, theo đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ gửi ngay các văn bản cần thiết đến các Thành viên Hội đồng Quản trị để lấy chữ ký mà không cần thực hiện các thủ tục mời họp hoặc lấy ý kiến

bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, một biên bản lấy chữ ký có thể được lập để ghi nhận việc này.

- 29.23 Mở rộng thành phần dự họp Hội đồng Quản trị: Tùy theo tính chất từng cuộc họp, Hội đồng Quản trị có thể mở rộng thêm thành phần dự họp như: những **Người điều hành Công ty**; nhà tư vấn chuyên môn hoặc bất kỳ người nào khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị cho rằng sự góp ý, tư vấn của họ là cần thiết cho quyết định của Hội đồng Quản trị. Ý kiến, tư vấn của người được mời họp được ghi nhận vào Biên bản họp nhưng họ không có quyền biểu quyết.

ĐIỀU 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:

Tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị theo thủ tục triệu tập quy định tại Điều lệ này đều phải lập Biên bản theo quy định như sau:

- 30.1 Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp, đối với Thành viên gửi văn bản biểu quyết trước cuộc họp thì văn bản đó được dùng thay cho chữ ký của Thành viên này. Các cuộc họp thực hiện trên điện thoại hoặc các phương tiện truyền thông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có các bản in Email chính thức hoặc chữ ký trên văn bản thay thế chữ ký trên biên bản họp Hội đồng Quản trị thông thường. Trong trường hợp Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 30.2 Biên bản cuộc họp là bằng chứng xác thực ghi lại những sự kiện; phát biểu; biểu quyết hoặc công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, tuy nhiên nội dung Biên bản sẽ không ghi lại những tranh luận, chỉ trích mang tính cá nhân giữa những người dự họp, những ngôn từ có tính quá khích, công kích, bài bác, xúc phạm cũng không được ghi vào biên bản, trừ khi theo ý kiến của Chủ tọa những sự việc trên phải được ghi chép vào biên bản như là bằng chứng về sự vi phạm của người dự họp. Người dự họp có quyền khiếu nại hoặc phản đối về nội dung biên bản trong **thời hạn mười ngày kể từ ngày được lập**.
- 30.3 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị (nếu có yêu cầu) cho các thành viên.
- 30.4 Tất cả Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và những người dự họp khác đều phải ký tên vào Biên bản họp. Trong trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác dự họp với tư cách Người dự họp thay thế theo ủy quyền của một Thành viên Hội đồng Quản trị khác thì ngoài chữ ký ở phần tên của mình, Người dự họp thay thế đó phải ký tên của mình vào phần tên của Thành viên Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho mình dự họp. Nếu vì

một lý do nào đó, người dự họp từ chối ký vào Biên bản họp Hội đồng Quản trị **đồng thời từ chối ghi lý do mà mình đã không ký vào Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị**, thì tất cả những người dự họp cùng xác nhận vào vị trí của người đã từ chối ký rằng người này đã từ chối ký vào Biên bản. Sự từ chối ký biên bản như trên của một hoặc một số người dự họp không làm thay đổi túc số của buổi họp và giá trị của những biểu quyết đã thực hiện trong buổi họp.

- 30.5 Biên bản họp Hội đồng Quản trị có thể được sử dụng thay cho Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị đối với các nội dung biểu quyết liên quan nếu những nội dung biểu quyết đó được nêu ra trong Biên bản là đầy đủ, rõ ràng, chính xác để thực thi quyết định đó.
- 30.6 Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị do Thư ký Công ty lập, tuy nhiên trong trường hợp Thư ký Công ty không thể dự họp để lập biên bản, chủ tọa buổi họp có thể chỉ định một trong những Thành viên dự họp hoặc Người dự họp thay thế hoặc bất kỳ một người nào khác làm thư ký ghi chép biên bản cho buổi họp đó, **với điều kiện không có các Thành viên dự họp nào nêu lý do họp lý để phải đổi người được chỉ định làm thư ký của cuộc họp đó**.
- 30.7 Hiệu lực thực thi: Trừ khi có một bản án có hiệu lực tuyên bố rằng nội dung nghị quyết đã vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, tất cả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị luôn có giá trị thực thi cho đến khi mục tiêu của các nghị quyết trên đạt được, kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị không thể đương nhiên bị bãi bỏ nếu không được một nghị quyết khác của Đại hội Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị thay thế hoặc bãi bỏ nội dung đó. Nếu vì một lý do khách quan nào đó khiến cho nghị quyết của Hội đồng Quản trị là không thể thực hiện được, thì khi những lý do khách quan đó chấm dứt thì việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị phải được khôi phục.

CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 31. Tổ chức bộ máy quản lý

- 31.1 Hội đồng Quản trị ban hành một hệ thống quản lý **chung theo từng cấp quản lý dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị**. Công ty có một Tổng Giám đốc, có thể có một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng **và/hoặc Giám đốc tài chính** do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ.
- 31.2 **Hội đồng Quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức Công ty cấp phòng ban và bộ phận nghiệp vụ dưới cấp phòng ban do Tổng Giám đốc xây dựng và trình phê chuẩn..**

ĐIỀU 32. Người điều hành Công ty

- 32.1 Tổng Giám đốc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh **Người điều hành Công ty** trong Công ty này bao gồm các chức danh: Trưởng các phòng ban chức năng (có thể được gọi là Giám đốc bộ phận tùy theo tên gọi từng thời kỳ) trong Công ty ngoại trừ chức danh Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính hoặc Giám đốc Tài chính tùy theo tên gọi từng thời kỳ) do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Giám Đốc các chi nhánh; Trưởng các văn phòng đại diện và các vị trí quản lý khác do Tổng Giám đốc Công ty quy định.
- 32.2 Số lượng phòng ban nghiệp vụ và Người điều hành Công ty do Tổng Giám đốc xem xét đề xuất Hội đồng Quản trị phê chuẩn phù hợp với sự cần thiết hoặc cơ cấu và thông lệ quản lý. Mọi sự thay đổi cơ cấu về số lượng phòng ban và bộ phận nghiệp vụ Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
- 32.3 Người điều hành Công ty xác lập mối quan hệ lao động với Công ty bằng một hợp đồng lao động và phải thể hiện sự miễn cưỡng cần thiết để thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong hợp đồng lao động hoặc bản mô tả công việc của Công ty.
- 32.4 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Người điều hành Công ty sẽ do Tổng Giám đốc quyết định.

ĐIỀU 33. Tổng Giám đốc điều hành

- 33.1 Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành những công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo thẩm quyền do pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp về công việc với Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty có quyền hạn và nhiệm vụ như sau:
- a. Điều hành và quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh của Công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, hoặc công việc do Hội đồng Quản trị ủy quyền thực hiện bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tín dụng.
 - b. Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Thay mặt Công ty giao kết, thực hiện tất cả các giao dịch và hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty. Thay mặt công ty trong các vụ kiện dân sự tại Toà Án hoặc Trọng tài;
 - d. Thay mặt Công ty ký kết các văn bản và thực hiện các công việc với các cơ quan quản lý nhà nước. Đại diện Công ty trong các giao dịch với các đối tác trong và ngoài nước;

- e. Quyết định những khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Áp dụng những biện pháp quản lý nhằm nâng cao hoạt động của Công ty;
- f. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Hội đồng Quản trị có thể ban hành nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- g. Điều hành các Phòng, Ban nghiệp vụ Công ty để xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu cho từng bộ phận đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Căn cứ vào nhu cầu quản lý và vận hành của Công ty, Tổng Giám đốc đề xuất số lượng phòng, ban nghiệp vụ, thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Người điều hành Công ty của Công ty (trừ các chức danh Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng tài chính kế toán hoặc Giám đốc tài chính thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị).
- h. Lãnh đạo việc xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, văn hóa doanh nghiệp của Công ty.
- i. Xây dựng kế hoạch nhân sự, nguồn nhân sự dài và ngắn hạn; trực tiếp tham gia tuyển dụng nhân sự cho công ty. Tổng Giám đốc là người ký hợp đồng lao động với những người thuộc thẩm quyền tuyển dụng của mình và quyết định mức lương, trợ cấp, phụ cấp (nếu có) các quyền lợi khác, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của Người điều hành Công ty và người lao động khác trong công ty; Xây dựng cơ chế lương, khen thưởng phù hợp với kế hoạch và kết quả kinh doanh hàng năm và chiến lược mục tiêu dài hạn của Công ty.
- j. Theo chỉ định của Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc giữ chức vụ Chủ tịch các Công ty con do Công ty đầu tư một trăm phần trăm (100%) vốn. Thực thi các công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch các Công ty con theo quy định của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty con. Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng cho các Công ty con vay vốn theo thẩm quyền do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- k. Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- l. Ngoài công việc thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc được chủ động quyết định và tiến hành khoản giao dịch như đầu tư, mua sắm hàng hoá tài sản, mua bán cổ phần, vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, nhận bảo lãnh với các bên

thứ ba khác **có tổng giá trị không vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam**. Sau khi đã chủ động thực hiện các giao dịch trong phạm vi thẩm quyền như nêu trên, Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phê duyệt, trước khi thực hiện các giao dịch tiếp theo;

- m. **Xây dựng ngân sách, định mức chi phí về Dự án**. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. **Định kỳ theo dõi kiểm soát và đánh giá, điều chỉnh ngân sách và định mức chi phí**.
- n. **Đề xuất xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty nếu xét thấy cần thiết. Xây dựng bộ máy và tổ chức hoạt động đối với hệ thống kiểm soát nội bộ đã được phê duyệt**
- o. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

33.2 **Bổ nhiệm:** Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một Thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc tuyển dụng một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nếu Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị khác được uỷ quyền thay mặt Hội đồng Quản trị ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

33.3 **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm trừ khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh này thì phải được phê chuẩn lại tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm hoặc Hội đồng Quản trị có quy định khác về nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc và có thể được tái bổ nhiệm.

33.4 **Tiêu chuẩn:** Tổng Giám đốc phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tương tự như người có thể đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 24.6 Điều lệ này.

33.5 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị tuyển dụng Tổng Giám đốc thông qua việc ký kết hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc thừa nhận rằng trong trường hợp bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm thì hợp đồng lao động cũng đương nhiên chấm dứt theo trường hợp thoả thuận chấm dứt.

- 33.6 Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm không có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông.
- 33.7 Hội đồng Quản trị có thể xem xét tuyển dụng, bổ nhiệm một số Phó Tổng Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực chuyên môn để giúp việc cho Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc được nêu cụ thể trong quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm nhưng không quá 05 (năm) năm hoặc nếu không được nêu cụ thể thì nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc bắt đầu từ khi được tuyển dụng, bổ nhiệm cho đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ Tổng Giám đốc đương nhiệm.

ĐIỀU 34. Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty

- 34.1 Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một người có đủ tiêu chuẩn do pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ này quy định làm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty theo nhiệm kỳ và những quy chế theo quyết định cụ thể của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty bất kỳ lúc nào mà không phải nêu nguyên nhân. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty tùy từng thời điểm.
- 34.2 Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty phải là người có trình độ ít nhất là cử nhân luật học, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty
- 34.3 Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp; Lưu trữ và cung cấp các thông tin, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X. CÁC NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC; THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 35. Nghĩa vụ cẩn trọng, cẩn mẫn, và bảo mật của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc và Người Quản lý Công ty

- 35.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản lý Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
- 35.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý Công ty, **Người điều hành Công ty** phải tuân thủ chặt chẽ quy tắc bảo mật thông tin của Công ty và chấp hành những điều kiện được đặt ra nhằm mục đích bảo mật thông tin. Ngay cả khi chấm dứt công việc trong những chức vụ, vị trí nói trên, họ vẫn phải duy trì nghĩa vụ bảo mật đối với các thông tin mà họ đã từng biết được trong khi thực thi nhiệm vụ của mình. Những người nói trên không được trao hoặc tiết lộ những thông tin trên cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi được yêu cầu bởi các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bởi Toà Án.

ĐIỀU 36. Nghĩa vụ phòng tránh xung đột lợi ích với Công ty

- 36.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc và Người Quản lý Công ty có nghĩa vụ công khai cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích liên quan; xung đột lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của Công ty bằng những văn bản thông báo. Họ chỉ được sử dụng những lợi ích trên khi những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan; xung đột lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của Công ty đã biểu quyết không truy cứu vấn đề này..
- 36.2 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người Quản lý Công ty và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác trong phạm vi thẩm quyền.

- 36.3 Thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.
- 36.4 Các Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người Quản lý Công ty, hoặc những người liên quan đến họ hoặc với Doanh nghiệp liên quan, sẽ chỉ được thực hiện khi:
- a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố về quyền lợi liên quan; xung đột lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của Công ty đã được công bố cho toàn thể Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng biểu quyết đa số tán thành của những thành viên không có lợi ích liên quan, xung đột lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.; hoặc
 - b. Đối với hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Những yếu tố về quyền lợi liên quan, xung đột lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của Công ty đã được công bố bằng văn bản đến toàn bộ các cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản trong khuôn khổ một Đại hội đồng cổ đông bất thường, và việc lấy ý kiến bằng văn bản đó đã chấp thuận bằng tỷ lệ phiếu thuận hợp lệ đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó. Những cổ đông có liên quan đến các yếu tố về quyền lợi liên quan, xung đột lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của Công ty trên sẽ không được tham gia biểu quyết.
- 36.5 Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người Quản lý Công ty hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

ĐIỀU 37. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại và bồi hoàn

- 37.1 **Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:** Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

- 37.2 **Bồi hoàn:** Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty, Người lao động, người đại diện theo ủy quyền của Công ty hoặc những người khác mà Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty quy định hoặc theo các văn bản ủy quyền hợp lệ của Công ty rằng họ đang thực hiện công việc theo sự phân công, ủy quyền của Công ty trong tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, giám đốc công ty TNHH một thành viên là các công ty con của Công ty hoặc là người đại diện phần vốn của Công ty trong các doanh nghiệp khác mà Công ty đầu tư vốn hoặc người đại diện theo ủy quyền khác sẽ được Công ty xem xét bồi hoàn nếu họ bị khởi kiện tại Toà Án hoặc Trọng tài vì những lý do có liên quan trực tiếp đến công vụ của họ hoặc những công việc họ thực hiện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán, tuân thủ luật pháp và với năng lực chuyên môn mà Công ty có căn cứ cho rằng người đó đã vì lợi ích của Công ty. Những chi phí được bồi hoàn bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, phí thi hành án, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi hoàn nêu trên.

CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 38. Ban kiểm soát

- 38.1 Công ty phải có Ban kiểm soát bao gồm các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát chỉ chịu trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện những công việc thuộc thẩm quyền của mình được quy định bởi Pháp luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 38.2 Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- a. Thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này.
- f. Giám sát tính hợp lệ trong việc Công ty tổ chức Đại hội Cổ đông bao gồm: thủ tục mời họp, các thủ tục lấy biểu quyết tại Đại hội và lấy ý kiến cổ đông, việc đề cử và bầu cử tại Đại hội. Giám sát tính hợp lệ trong việc Công ty tổ chức phát hành cổ phần, trái phiếu, chi trả cổ tức, mua lại cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.
- g. Đề xuất Đại hội Cổ đông lựa chọn và/hoặc thừa uỷ quyền của Đại hội Cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề liên quan đến hợp đồng thuê công ty kiểm toán độc lập;
- h. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Tuy nhiên nếu nội dung vấn đề kiểm tra mà Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra và đã có văn bản báo cáo trong vòng ba tháng, thì Ban kiểm soát chỉ cần xuất trình văn bản báo cáo nội dung đã thực hiện cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu và không phải thực hiện việc báo cáo trở lại.
- i. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- j. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- k. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- l. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- n. Ban kiểm soát thực hiện các công việc kiểm tra giám sát của mình tại Công ty nhưng không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc có quyền từ chối những yêu cầu về kiểm tra và cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát hoặc Thành viên Ban Kiểm soát nếu có căn cứ cho rằng những yêu cầu đó không phục vụ cho công việc theo chức năng của Ban Kiểm soát hoặc việc đáp ứng yêu cầu sẽ cản trở hoạt động bình thường, làm lộ những thông tin mật của Công ty.
- o. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 39. Thành viên Ban Kiểm soát – Trưởng Ban Kiểm soát.

- 39.1 Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Tổng số Thành viên Ban kiểm soát trong một nhiệm kỳ phải được Đại hội Cổ đông đầu nhiệm kỳ đó thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Tùy theo nhu cầu quản lý Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề xuất Đại hội Cổ đông phê chuẩn việc bổ sung hoặc giảm bớt số lượng Thành viên Ban kiểm soát của nhiệm kỳ đó.
- 39.2 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra theo thể lệ bầu cử do Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và **Quy chế nội bộ về quản trị công ty** quy định, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; số năm của từng nhiệm kỳ được xác định cụ thể tại thời điểm bầu cử Ban kiểm soát; Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 39.3 Trong trường hợp khuyết vị trí Thành viên Ban kiểm soát so với số lượng thành viên Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ đó đã được Đại hội Cổ đông thông qua do có thành viên Ban Kiểm soát từ nhiệm, được miễn nhiệm hoặc những lý do khác. Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời ứng viên đã từng được Đại hội Cổ đông đề cử hợp lệ của nhiệm kỳ đó, nhưng có số phiếu bầu thấp hơn gần kề với thành viên Ban Kiểm soát trúng cử có số phiếu bầu thấp nhất để tham gia vào Ban Kiểm soát. Nếu không mời được thì sẽ mời ứng viên có số phiếu bầu kế tiếp cho đến khi mời được Người làm thành viên Ban Kiểm soát. Trong trường hợp không mời được như quy định nêu trên, thì Ban Kiểm soát sẽ mời một người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương tự như người có thể đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 24.6 Điều lệ này để làm thành viên Ban Kiểm soát bổ khuyết cho đến khi được Đại hội Cổ đông gần nhất bỏ phiếu biểu quyết chấp nhận (áp dụng tương tự như trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị bổ khuyết quy định trong Điều lệ này.)

- 39.4 Ban Kiểm soát phải tổ chức cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ đó bầu để một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số và thông qua thể lệ hoạt động Ban kiểm soát của nhiệm kỳ đó.
- 39.5 Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc theo chế độ thường trực tại công ty. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau đây:
- a. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội Cổ đông trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập phiên họp của Hội đồng Quản trị trong những trường hợp do Pháp luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty quy định;
 - c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
 - d. Đại diện cho Ban kiểm soát trong việc nhận các văn bản tài liệu từ Công ty gửi đến như Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo cuộc họp Hội đồng Quản trị và Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành. Đại diện phát ngôn cho Ban kiểm soát và giao dịch liên lạc với các bộ phận, cơ quan trong và ngoài Công ty;
 - e. Căn cứ vào thể lệ hoạt động của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát sẽ thông báo cho Hội đồng Quản trị về việc tham dự phiên họp của Hội đồng Quản trị. Thông báo này có thể được gửi bằng thư, email hoặc thông báo qua điện thoại đến người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị nhưng không được chậm quá 24 giờ trước khi cuộc họp Hội đồng Quản trị khai mạc;
 - f. Ký các nghị quyết, văn bản giải trình, văn bản yêu cầu hoặc các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Ban kiểm soát;
 - g. Trực tiếp hoặc phân công cho các Thành viên khác tiến hành những công việc thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
 - h. Thay mặt cho Ban kiểm soát yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - i. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

- j. Xem xét những báo cáo, phản ánh của Tổng Giám đốc, Người Quản lý Công ty và người lao động trong Công ty liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát trước khi quyết định đưa ra giải quyết tại phiên họp của Ban kiểm soát;
 - k. Nghiên cứu, xem xét tính hợp pháp hợp lệ của những biên bản được lập tại Đại hội đồng Cổ đông, phiên họp Hội đồng Quản trị, những văn bản liên quan đến thẩm quyền kiểm soát của Ban kiểm soát hoặc là những văn bản khác trước khi được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
 - l. Xem xét xử lý những sai phạm nếu có của Thành viên Ban kiểm soát. Kiến nghị đình chỉ, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên;
 - m. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm của Ban kiểm soát bao gồm tổng số tiền thù lao dự kiến và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- 39.6 Quyền đề cử thành viên Ban Kiểm soát được quy định như sau: Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm thành viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử sáu thành viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử bảy thành viên và nếu từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám thành viên.
- 39.7 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty mà việc từ chức này không bị xem là có mục đích rũ bỏ hoặc trốn tránh trách nhiệm của công việc mà họ đã hoặc đang thực hiện với tư cách là Thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng ba tháng, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó không còn đáp ứng chức năng cơ bản của một Thành viên Ban kiểm soát do: Sự kiêm nhiệm của họ trong chức vụ tại một doanh nghiệp khác có mâu thuẫn lợi ích với Công ty HBC hoặc đã làm việc, cộng tác, cung cấp thông tin cho đối thủ cạnh tranh

(trừ khi do yêu cầu công việc phải thực hiện với tư cách thành viên Ban kiểm soát và đã báo cáo những việc làm trên đây trong một buổi họp Ban kiểm soát và đã được các thành viên Ban kiểm soát còn lại biểu quyết nhất trí chấp thuận cho thành viên này được làm những công việc trên).

- f. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban kiểm soát đã bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông không được ứng cử, đề cử, bầu cử để trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát trong bất kỳ nhiệm kỳ nào sau đó.

ĐIỀU 40. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát.

- 40.1 Ban kiểm soát hoạt động trên nguyên tắc biểu quyết tập thể dưới hình thức những cuộc họp được triệu tập hợp lệ. Từng Thành viên Ban kiểm soát riêng lẻ hoặc nhóm các Thành viên Ban kiểm soát tập hợp trái với trình tự thủ tục quy định tại Điều lệ này đều không có thẩm quyền và tư cách của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ này. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hơn một nửa tổng số Thành viên của một nhiệm kỳ.
- 40.2 Theo quyết định phân công được ghi nhận trong Nghị quyết của Ban Kiểm soát, một hoặc một số Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện những công việc kiểm tra, kiểm soát về chuyên môn trong phạm vi được phân công tại Công ty. Trước khi thực thi công việc Trưởng Ban Kiểm soát thông báo cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc kèm theo một bản sao Nghị quyết của Ban Kiểm soát về việc cử Thành viên Ban Kiểm soát đến thực hiện công việc tại Công ty. Nếu nhận thấy Nghị quyết của Ban Kiểm soát được lập hợp lệ và nội dung thực hiện công việc thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để các Thành viên Ban Kiểm soát thực thi công việc của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có thể yêu cầu các Thành viên Ban Kiểm soát lập biên bản để ghi nhận quá trình và kết quả thực hiện công việc đó.
- 40.3 Ban kiểm soát phải lập biên bản ghi nhận các diễn biến, phát biểu, kiến nghị, biểu quyết, bảo lưu diễn ra trong một cuộc họp Ban kiểm soát. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa phiên họp và những Thành viên dự họp. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát là căn cứ để ban hành Nghị quyết của Ban kiểm soát. Nghị quyết của Ban kiểm soát được ban hành không căn cứ vào biên bản cuộc họp hoặc biên bản cuộc họp không được triệu tập hợp lệ đều vô hiệu. Tất cả những Biên bản họp và Nghị quyết của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty trong vòng hai năm kể từ ngày cuộc họp được diễn ra.

- 40.4 Trong công việc, Thành viên Ban kiểm soát trao đổi giao tiếp thông tin với nhau hoặc trao đổi giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị phải bằng lời nói trực tiếp, bằng văn bản có chữ ký nguyên bản (không sử dụng văn bản scan hoặc photocopy), bản fax sau khi đã xác nhận bằng điện thoại, và bằng Email chính thức. Mọi hình thức giao tiếp thông tin khác như: lời nói truyền khẩu, tin nhắn điện thoại; hộp thư thoại; email cá nhân hoặc bất cứ email nào khác với Email chính thức đều không có hiệu lực.
- 40.5 Các tài liệu sau đây khi được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị phải được đồng gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cùng phương thức: (i) thông báo mời họp, (ii) phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo; (iii) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành có liên quan đến công tác quản lý điều hành Công ty. Trưởng Ban kiểm soát sau khi nhận được các tài liệu trên, sẽ thông báo cho các Thành viên Ban kiểm soát còn lại. Ban kiểm soát có quyền có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về nội dung những tài liệu trên đây trong vòng ba ngày làm việc kể từ sau khi nhận được tài liệu đến Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, nhưng không có thẩm quyền cản trở, ngăn chặn việc thực hiện những công việc được ghi trong những tài liệu đó.
- 40.6 Thông qua một Nghị quyết của Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và **Người điều hành Công ty** cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty; yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người Quản lý Công ty, **Người điều hành Công ty** và Người lao động của công ty làm việc để tìm hiểu vụ việc, thu thập thông tin. Tuy nhiên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành được quyền chọn lựa hình thức cung cấp thông tin cho Thành viên Ban kiểm soát phù hợp nhất với yêu cầu bảo mật thông tin.
- 40.7 Ngoài các quy định trong bản Điều lệ này, chế độ làm việc của Ban kiểm soát còn được quy định chi tiết trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm các quy định về tiêu chuẩn làm Thành viên Ban Kiểm soát, các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát.
- 40.8 Tổng mức thù lao và mức thưởng cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và áp dụng các quy định tương tự như đối với Thành viên Hội đồng Quản trị trong Điều lệ này. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 41.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều [chương VII.11.2](#) của Điều lệ này có quyền trực tiếp gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.
- 41.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và Người Quản lý Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình và công tác được phân công trong điều kiện phù hợp với quy định bảo mật của Công ty. Người Đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện những yêu cầu kiểm tra trên phù hợp với quy tắc bảo mật, đồng thời có quyền từ chối nếu mục đích của yêu cầu kiểm tra là không rõ ràng hoặc không phù hợp với quyền hạn nhiệm vụ công tác của người yêu cầu.
- 41.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 41.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XIII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 42. Người lao động và công đoàn

- 42.1 Công ty tổ chức tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động theo quy định của [pháp luật về lao động](#). Tổng Giám đốc quyết định việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người Quản lý Công ty và người lao động.
- 42.2 Công ty tuân thủ pháp luật về tổ chức và hoạt động công đoàn cơ sở. Công ty tạo điều kiện cho người lao động trở thành đoàn viên công đoàn đúng theo các tiêu chuẩn điều kiện do Điều lệ Công đoàn quy định.

CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 43. Cổ tức

- 43.1 Hội đồng Quản trị căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty; nhu cầu phát triển; và cân đối tình hình tài chính của Công ty với việc hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này để đề xuất mức chia cổ tức từ lợi nhuận của Công ty lên Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội Cổ đông biểu quyết thông qua mức cổ tức nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất.
- 43.2 Hội đồng Quản trị có thể đề xuất việc không chia cổ tức nếu việc chia như vậy sẽ vi phạm những quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, hoặc sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh hoặc việc đầu tư theo định hướng phát triển Công ty.
- 43.3 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc tạm ứng cổ tức vẫn dung hòa được giữa quyền lợi của Cổ đông công ty và nhu cầu dòng tiền phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc thực hiện các kế hoạch đầu tư khác của Công ty.
- 43.4 Cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty thông qua sẽ được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sau (06) tháng, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức kể từ khi được Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua cho đến khi được thực tế chuyển trả cho Cổ đông.
- 43.5 Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 43.6 Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong khoảng thời gian giữa thời điểm Hội đồng Quản trị đã lập danh sách cổ đông và thời điểm thực trả cổ tức thì người chuyển nhượng có tên trên danh sách cổ đông được nhận cổ tức vẫn là người nhận cổ tức từ Công ty.
- 43.7 Hội đồng Quản trị thực hiện việc thông báo về trả cổ tức bằng phương thức thư bảo đảm đến từng cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được nhận cổ tức theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Cổ đông phải thực hiện việc điều chỉnh cần thiết nếu phát hiện có sự sai sót hoặc không chính xác trong các thông tin cá nhân trong đó có thông tin về tài khoản ngân hàng đã đăng ký trước năm (05) ngày so với ngày Công ty bắt đầu thực hiện việc chi trả Cổ tức.
- 43.8 Cổ tức có giá trị từ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trở lên phải được thanh toán bằng chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng đã đăng ký trong thông tin của cổ đông thụ hưởng. Trong thủ tục chi trả Cổ tức. Công ty được quyền khấu trừ vào số tiền Cổ tức các khoản thuế thu nhập cá nhân hoặc chi phí khác chi trả vào ngân sách theo quy định của nhà nước.

- 43.9 Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Kể từ thời điểm đã chuyển trả Cổ tức vào đúng tài khoản cổ đông được hưởng cổ tức đã đăng ký được ghi nhận trên Thông báo trả Cổ tức, Công ty không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp có rủi ro phát sinh do Cổ đông đã không cập nhật thông tin về tài khoản hoặc thay đổi các thông tin về tài khoản không đúng với trình tự và thủ tục do pháp luật hoặc công ty quản lý Cổ đông của Công ty. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- 43.10 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 43.11 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XV. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 43.1 Công ty thực thi chế độ quản trị xuyên suốt và thống nhất căn cứ trên hệ thống các văn bản được liệt kê theo trình tự thứ bậc hiệu lực như sau đây:
- a. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.
 - b. BẢN ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.
 - c. QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.
 - d. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CÁC QUY CHẾ DO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN HÀNH.
 - e. QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
 - f. CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.

- 43.2 Thứ bậc hiệu lực của các văn bản được xây dựng căn cứ vào thứ bậc thẩm quyền của các cơ quan ban hành.
- 43.3 Nghị quyết của Ban Kiểm soát thuộc lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị, công tác điều hành Công ty của Tổng Giám đốc và các hoạt động khác của Công ty, không phải là Văn bản quy phạm Quản trị Công ty.
- 43.4 Các văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm quản trị nêu trên đây phải tuân thủ tuyệt đối tính hiệu lực thứ bậc: văn bản có thứ bậc hiệu lực cao hơn sẽ có giá trị phủ quyết văn bản có thứ bậc hiệu lực thấp hơn nếu có mâu thuẫn khi quy định về cùng một vấn đề.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 44. Con dấu

Công ty sử dụng con dấu để xác thực các văn bản trong các giao dịch và quản lý nội bộ. Con dấu của Công ty được khắc, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 45. Tài khoản ngân hàng

- 45.1 Công ty mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 45.2 Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 45.3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định của pháp luật về thanh toán và quản lý ngoại hối.

ĐIỀU 46. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm dương lịch và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm dương lịch đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

ĐIỀU 47. Hệ thống kế toán.

- 47.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 47.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 47.3 Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

ĐIỀU 48. Kiểm toán

- 48.1 Căn cứ vào danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Ban Kiểm soát đề nghị, Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ ủy quyền cho Ban Kiểm soát chọn một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thuận lợi nhất trong một hợp đồng với Công ty.
- 48.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 48.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được phép hoạt động hợp lệ để kiểm toán cho Công ty.
- 48.4 Công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu có yêu cầu của Hội đồng Quản trị và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tư vấn tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán nếu Chủ tọa Đại hội có yêu cầu.

CHƯƠNG XVII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 49.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- 49.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài ra Công ty còn phải có một Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của toàn bộ hệ thống bao gồm Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 49.3 Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 49.4 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền tiếp cận và tải về các bản báo cáo tài chính của Công ty được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

ĐIỀU 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định chung của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 51. Chấm dứt hoạt động

- 51.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 51.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến/hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 52. Thanh lý

- 52.1 Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ

định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

52.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

52.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 53. Giải quyết tranh chấp – khiếu nại nội bộ

53.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của cổ đông; Người Quản lý Công ty; [Người điều hành Công ty](#), Người lao động phát sinh từ Luật Doanh nghiệp; Điều lệ này hoặc các quy chế, quy định của Công ty giữa:

- g. Cổ đông với Công ty; hoặc
- h. Người lao động (kể cả [Người điều hành Công ty](#)) với Công ty; hoặc
- i. Giữa những Người lao động với nhau liên quan đến Công ty do Điều lệ này hoặc các văn bản Quy chế khác của Công ty là cơ sở của tranh chấp đó;
- j. Giữa những Người Quản lý Công ty với nhau hoặc giữa họ với Công ty;
- k. Tranh chấp, khiếu nại của thành viên Ban kiểm soát với nhau;
- l. Các tranh chấp nội bộ khác của Công ty.

- 53.2 Ngoại trừ các tranh chấp và khiếu nại liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp bằng văn bản trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
- 53.3 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.
- 53.4 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ QUY TẮC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

ĐIỀU 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ và quy tắc áp dụng pháp luật.

- 54.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định [theo trình tự thủ tục pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ này quy định](#).
- 54.2 Trong trường hợp nội dung của Điều lệ này là khác hoặc mâu thuẫn với quy định của Pháp luật mà trong trường hợp đó Pháp luật không quy định Điều lệ được quy định khác đi thì quy định của Pháp luật đương nhiên có hiệu lực chi phối.
- 54.3 Những nội dung mà Pháp luật đã quy định, không nhất thiết phải được ghi lại trong Điều lệ này. [Các dẫn chiếu trong Điều lệ này đến một điều khoản nêu trong văn bản luật hoặc văn bản quy phạm pháp luật, mà sau đó văn bản này thay đổi về cơ cấu dẫn đến sự thay đổi về số tham chiếu của điều khoản đó, nhưng giữ nguyên nội dung quy định hoặc cơ bản giữ nguyên tinh thần điều khoản đó, thì dẫn chiếu tương ứng của điều khoản đó trong Điều lệ này mặc nhiên được coi là dẫn chiếu đến số tham chiếu đã thay đổi của điều khoản.](#)
- 54.4 Những nội dung trong Điều lệ này không được Pháp luật đề cập đến, nhưng không trái với các nguyên tắc Pháp lý của Việt Nam và các điều bị Pháp luật cấm thì đương nhiên có hiệu lực thi hành.
- 54.5 Trong thời gian có hiệu lực của Điều lệ này nhưng Pháp luật có những thay đổi làm cho một hoặc một số nội dung của Điều lệ này là khác; hoặc mâu thuẫn với [các quy định mới của Pháp luật](#) thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp điều luật mới cho phép Điều lệ được quy định khác đi, mà xét thấy rằng những nội dung hiện hành của Điều lệ vẫn đáp ứng đủ các yêu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thì Hội đồng Quản trị xem xét ra Nghị Quyết giữ lại những nội dung đó.

- 54.6 Trong trường hợp một hoặc một số Điều khoản hoặc nội dung của bản Điều lệ này bị Tòa Án có thẩm quyền phán quyết là vô hiệu thì chỉ có những điều khoản hoặc nội dung đó trở thành vô hiệu theo phán quyết đã tuyên. Những Điều khoản và nội dung còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực.
- 54.7 Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền tuyên bố tạm hoãn hiệu lực của một hoặc một số Điều khoản hoặc nội dung trong một thời gian nhất định để giải quyết một số vấn đề cần thiết liên quan đến lợi ích chung của Công ty, với điều kiện rằng việc tạm hoãn hiệu lực không vi phạm các điều cấm của Pháp luật. Việc tạm hoãn hiệu lực kể trên được thể hiện bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông mà không phải thay đổi nội dung Điều lệ này. Hết thời hạn tạm hoãn theo Nghị quyết, các Điều khoản và nội dung liên quan sẽ tự động khôi phục lại toàn bộ hiệu lực.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 55. Ngày hiệu lực

- 55.1 Nội dung Bản điều lệ này kế thừa các bản Điều lệ trước đây của Công ty sau khi tiến hành sửa đổi bổ sung một số nội dung được Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2019 thông qua và có hiệu lực theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2019.
- 55.2 Điều lệ được lập thành ba (03) bản chính lưu trữ tại Văn phòng Công ty;
- 55.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 55.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019

CHỦ TOA

LÊ QUANG CẢNH